



VIETFUND
MANAGEMENT

VFA | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM

VFA

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ

| | |
|---------------------------|---|
| Tên Quỹ | Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA) |
| Tên tiếng Anh | Vietnam Active Fund |
| Mã giao dịch | VFMVFA |
| Mục tiêu đầu tư | Nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của TTCKVN dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following). |
| Hình thức Quỹ | Quỹ công chúng dạng đóng |
| Vốn điều lệ | 240.437.600.000 VND |
| Tổng số CCQ lưu hành | 24.043.760 ccq |
| Ngày thành lập | 02/04/2010 |
| Ngày niêm yết & giao dịch | 09/08/2010 |
| Thời hạn hoạt động | 5 năm |
| Công ty Quản lý quỹ | CTCP Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) |
| Ngân hàng giám sát | Ngân hàng Far East National - CN Tp. HCM |
| Phí quản lý | 2%/NAV/năm |
| Phí giám sát & lưu ký | 0,04%/NAV/năm |
| Chính sách cổ tức | Tối thiểu 50% lợi nhuận thực hiện hàng năm của Quỹ |

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| | |
|---|---|
| ccq | Chứng chỉ quỹ |
| Cổ phiếu OTC | Cổ phiếu chưa niêm yết |
| Công ty CP/ CTCP | Công ty Cổ phần |
| Công ty VFM/ Công ty Quản lý Quỹ VFM | Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam |
| HNX-Index | Chỉ số HNX-Index |
| NAV | Giá trị tài sản ròng |
| QI/2010 | Quý I/2010 |
| Quỹ đầu tư VF1 | Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam |
| Quỹ VF2 | Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam |
| Quỹ đầu tư VF4 | Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam |
| Quỹ đầu tư VFA | Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam |
| SGDCK Hà Nội/ HNX | Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội |
| SGDCK Tp.HCM/ HOSE | Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM |
| TMCP | Thương mại cổ phần |
| Tp.HCM | Thành phố Hồ Chí Minh |
| TTCK | Thị trường chứng khoán |
| UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| UBND Tp.HCM | Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh |
| UPCOM | Thị trường giao dịch chứng khoán của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết |
| VN-Index | Chỉ số VN-Index |

MỤC LỤC

| | |
|---|---|
| Điểm tài chính nổi bật | 5 |
| Phát biểu của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ | 6 |
| Phát biểu của Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ | 7 |

Tình hình hoạt động của Quỹ

| | |
|---|----|
| Báo cáo giá trị tài sản ròng (NAV) | 9 |
| Danh mục đầu tư | 10 |
| Tình hình giải ngân - thanh toán năm 2010 | 12 |
| Kết quả hoạt động của Quỹ | 13 |
| Chiến lược đầu tư | 16 |

Hoạt động của Ban Đại diện Quỹ

| | |
|---|----|
| Giới thiệu Ban Đại diện Quỹ | 20 |
| Các hoạt động của Ban Đại diện Quỹ trong năm 2010 | 22 |

Công ty VFM

| | |
|--|----|
| Giới thiệu về công ty VFM | 24 |
| Sản phẩm & dịch vụ | 28 |
| Các sự kiện và hoạt động xã hội trong năm 2010 | 32 |
| Hoạt động chăm sóc nhà đầu tư | 35 |

| | |
|--------------------------|-----------|
| Báo cáo tài chính | 39 |
|--------------------------|-----------|

ĐIỂM TÀI CHÍNH NỔI BẬT

| | 2010 |
|---|----------------------|
| Quy mô Quỹ (tỷ đồng) | 240,4 |
| NAV (tỷ đồng) | 221,4 |
| NAV/ccq (đồng) | 9.209,0 |
| NAV/ccq cao nhất 52 tuần (đồng) | 10.253,0 |
| NAV/ccq thấp nhất 52 tuần (đồng) | 8.533,0 |
| Chi phí (%) | 2,05 |
| Vòng quay vốn đầu tư (%) | 243,3 |
| Tăng trưởng lũy kể từ khi hoạt động (02/04/2010) (%) | (7,9) |
| | <i>VN-Index (%)</i> |
| | (5,1) |
| | <i>HNX-Index (%)</i> |
| | (30,4) |
| Các chỉ tiêu về rủi ro: | |
| Độ lệch chuẩn | |
| | <i>VFA (%)</i> |
| | 14,6 |
| | <i>VN-Index (%)</i> |
| | 18,7 |
| | <i>HNX-Index (%)</i> |
| | 31,4 |
| Mức giảm tối đa từ đỉnh (Maximum Drawdown) | |
| | <i>VFA (%)</i> |
| | 18,3 |
| | <i>VN-Index (%)</i> |
| | 22,9 |
| | <i>HNX-Index (%)</i> |
| | 48,8 |
| Các chỉ tiêu về lợi nhuận/ rủi ro: | |
| Hệ số Sharpe | |
| | <i>VFA</i> |
| | (1,3) |
| | <i>VN-Index</i> |
| | (0,8) |
| | <i>HNX-Index</i> |
| | (1,6) |
| Lợi nhuận trên mức giảm tối đa (Return to maximum drawdown) | |
| | <i>VFA</i> |
| | (0,4) |
| | <i>VN-Index</i> |
| | (0,2) |
| | <i>HNX-Index</i> |
| | (0,6) |

PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

“Năm 2011, Quỹ đầu tư VFA sẽ tiếp tục thực hiện chiến lược đầu tư theo xu hướng với chiến lược quản trị rủi ro luôn được đặt làm trọng tâm, đồng thời tìm kiếm các cơ hội thực hiện mua bán chênh lệch để tối ưu hóa hiệu quả đầu tư.”



Kính thưa Quý nhà đầu tư,

Đại diện cho Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA), tôi xin được mở đầu bằng lời cảm ơn chân thành đến toàn thể Quý nhà đầu tư, tất cả các thành viên Ban đại diện Quỹ, các đối tác và các cơ quan quản lý đã hỗ trợ tích cực cho việc thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư VFA trong năm 2010 vừa qua.

Quỹ đầu tư VFA chính thức hoạt động vào đầu năm 2010 với tổng số vốn huy động được là 240,5 tỷ đồng, và là quỹ đầu tư duy nhất trong nước được thành lập ngay sau giai đoạn khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu. Chiến lược của Quỹ đầu tư VFA là nắm bắt các xu hướng tăng trưởng của TTCK Việt Nam dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following) thuộc mô hình đầu tư phân tích định lượng (Quant), nhằm mang lại lợi nhuận tối ưu cho quỹ. Bên cạnh đó, Quỹ đầu tư VFA luôn giữ vững mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi.

Trong năm 2010 vừa qua, từ những khó khăn của nền kinh tế trong nước nói chung đã làm ảnh hưởng trực tiếp lẫn gián tiếp đến sự tăng trưởng của TTCK. Thị trường đã trải qua một năm đầy thử thách, diễn biến phức tạp đan xen với chiều đi ngang kéo dài của VN-Index, mức thanh khoản kém và số lượng cổ phiếu niêm yết ồ ạt gây khó khăn đến hoạt động của các quỹ đầu tư. Hơn nữa, sự phản ánh không đúng biến động chỉ số này ảnh hưởng lớn đến việc đánh giá kết quả hoạt động của các quỹ đầu tư trong đó có Quỹ đầu tư VFA. Ngoài ra, với thời gian hoạt động ngắn (8 tháng) nên kết quả hoạt động của Quỹ chưa được phản ánh rõ nét.

Tuy nhiên, với vai trò định hướng các hoạt động của Quỹ, Ban Đại diện cùng Ban điều hành Quỹ đã phân tích, đánh giá, nhận định tình hình và cân nhắc việc cân đối lại tỷ lệ đầu tư thích hợp nhất theo từng giai đoạn tăng, giảm thị trường.

TTCK Việt Nam trong năm 2011 dự báo sẽ có nhiều biến động do ảnh hưởng bởi những chính sách kinh tế vĩ mô. Vì vậy, Quỹ đầu tư VFA vẫn sẽ tiếp tục thực hiện chiến lược đầu tư theo xu hướng với chiến lược quản trị rủi ro luôn được đặt làm trọng tâm, đồng thời tìm kiếm các cơ hội thực hiện mua bán chênh lệch (arbitrage opportunity) để tối ưu hóa hiệu quả đầu tư. Các chiến lược này được tìm kiếm bằng cách rà soát các cổ phiếu biến động ra khỏi mức cân bằng và hoán đổi cổ phiếu. Ngoài ra, Quỹ sẽ thực hiện việc nghiên cứu các mô hình đầu tư theo xu hướng trên từng cổ phiếu nhằm giảm rủi ro thanh khoản hoặc tín hiệu giả để quỹ hoạt động tốt nhất trong điều kiện thị trường thay đổi nhanh. Với những định hướng cụ thể, khi thị trường có chiều hướng chuyển biến tích cực thì chúng tôi hy vọng Quỹ đầu tư VFA sẽ hoàn thành tốt mục tiêu đề ra trong năm 2011.

Trân trọng,

THÁI TẤN DŨNG

Chủ tịch Ban Đại diện

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

“Để chuẩn bị cho một chu kỳ tăng trưởng mới, chúng tôi đã chủ động thực hiện chương trình tái cấu trúc công ty, đầu tư phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao tập trung phục vụ cho công tác đầu tư.”



Kính thưa Quý nhà đầu tư,

Năm 2010 khép lại với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn kế hoạch dự kiến (đạt 6,7%) nhưng chất lượng tăng trưởng chưa tốt như kỳ vọng. Chịu sự tác động của các yếu tố vĩ mô bất ổn, TTCK Việt Nam trong năm qua diễn biến không thuận lợi, trong đó dòng tiền vào chứng khoán bị hạn chế một phần bởi do các yếu tố tâm lý, tỷ giá và chính sách thắt chặt tiền tệ để kiềm chế lạm phát, v.v....

Theo dõi sự tăng trưởng Index từ đầu năm 2010, trong khi TTCK các nước trong khu vực đều tăng trưởng thì ngược lại TTCK Việt Nam giảm, đi ngược với xu hướng. Vì vậy, công ty VFM đã xác định yếu tố ổn định là yếu tố quan trọng, được đặt lên hàng đầu để duy trì các hoạt động đầu tư. Vào cuối năm, phần lớn các mã cổ phiếu niêm yết hầu như đều giảm điểm hoặc tăng ít nhưng VN-Index vẫn tăng điểm bởi một số mã cổ phiếu có mức vốn hóa lớn, chiếm tỷ trọng cao trong rổ Index nhưng thanh khoản kém đã làm ảnh hưởng đáng kể đến biến động của chỉ số này và tác động đến việc đánh giá kết quả hoạt động của các quỹ đầu tư.

Là quỹ đầu tư duy nhất đi vào hoạt động trong điều kiện thị trường có nhiều yếu tố bất lợi, công ty VFM cùng với Ban đại diện quỹ, Hội đồng đầu tư đã cân nhắc đưa ra những quyết định cân đối lại tỷ lệ đầu tư thích hợp theo từng giai đoạn biến động của thị trường. Tuy nhiên, với thời gian hoạt động của quỹ ngắn nên kết quả hoạt động của Quỹ trong năm qua chưa phát huy rõ hiệu quả.

Bước sang năm 2011, với sự quyết tâm của Chính phủ trong việc điều tiết vĩ mô hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh

và thu hút cho dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài trở lại thị trường. Do đó, với mức định giá P/E (hệ số giữa giá giao dịch của một cổ phiếu với lợi nhuận mà cổ phiếu đó đem lại) thấp của cổ phiếu Việt Nam hiện nay, chúng tôi tin rằng TTCK Việt Nam sẽ khả quan hơn. Trong đó, chúng tôi cũng kỳ vọng dòng vốn nước ngoài sẽ bắt đầu đổ vào TTCK trong thời gian sắp tới. Như vậy, nếu nhìn một cách tổng quan, TTCK biến động theo từng chu kỳ, trong đó thị trường năm vừa qua theo chiều hướng đi xuống. Sang năm 2011, mặc dù sự dao động của thị trường sẽ vẫn còn nhưng có thể theo xu hướng đi lên.

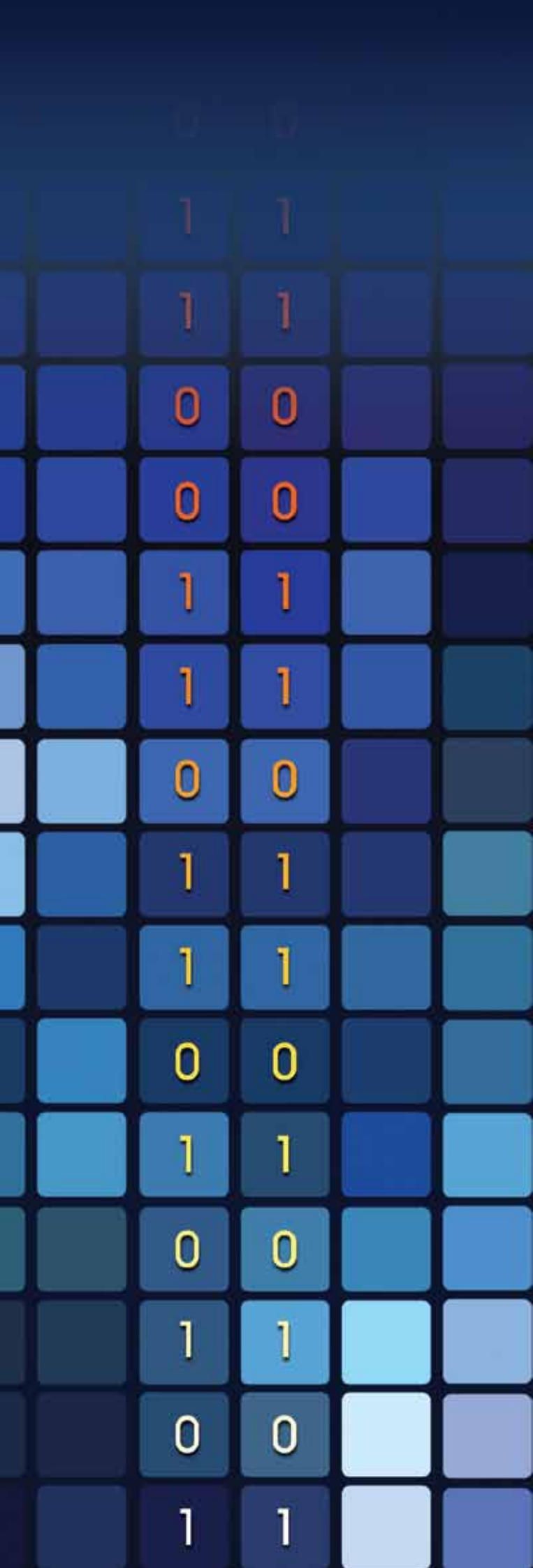
Để chuẩn bị cho một chu kỳ tăng trưởng mới, trong năm qua công ty VFM chúng tôi đã chủ động thực hiện chương trình tái cấu trúc công ty, đầu tư phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao tập trung phục vụ cho công tác đầu tư. Bên cạnh đó, việc chú trọng đẩy mạnh hợp tác với các đối tác chiến lược mới là các tổ chức có tiềm lực trong ngành tài chính khác cộng với sự hậu thuẫn vững mạnh của công ty Quản lý Quỹ Dragon Capital sẽ giúp cho công ty VFM tận dụng tối đa nguồn lực, chuyên môn và kinh nghiệm thị trường để phát triển hoạt động cốt lõi của công ty trong thời gian tới.

Thay mặt công ty VFM, tôi chân thành cảm ơn Quý nhà đầu tư, Ban Đại diện đã ủng hộ và đồng hành cùng chúng tôi trong thời gian qua.

Trân trọng,

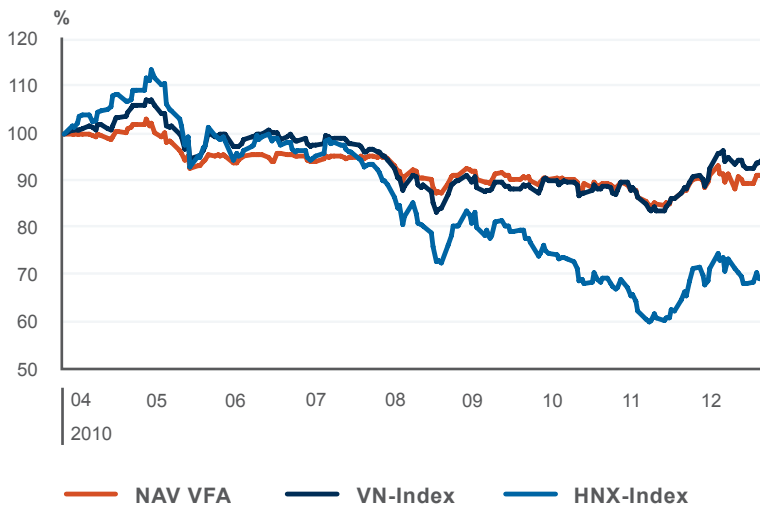
TRẦN THANH TÂN

Tổng Giám đốc



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Tăng trưởng NAV lũy kế từ khi hoạt động của VFA so với Index (02/04/2010 = 100)

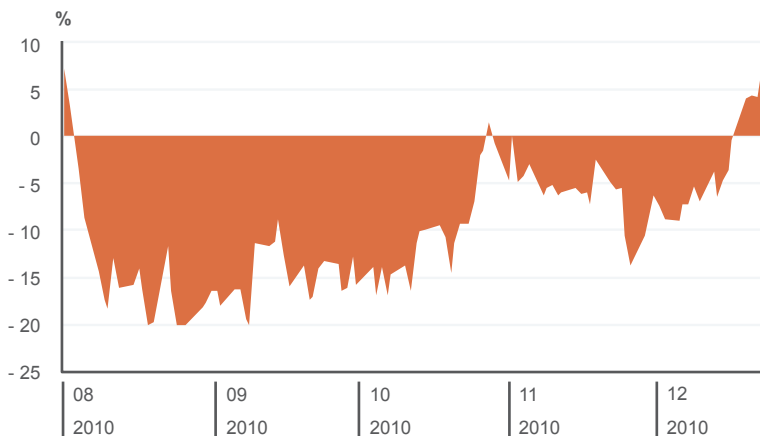


Kết thúc năm 2010, NAV của Quỹ đầu tư VFA đạt 221,4 tỷ đồng, tương đương 9.209,3 đồng/ chứng chỉ quỹ. Lũy kế từ khi hoạt động, NAV của Quỹ đầu tư VFA ghi nhận mức giảm -7,9%.

Xét về độ rủi ro, NAV của Quỹ đầu tư VFA có độ biến động (standard deviation) và mức giảm tối đa thấp hơn 2 chỉ số VN-Index và HNX-Index. Xét về mức lợi nhuận trên rủi ro, NAV của Quỹ đầu tư VFA có hệ số Sharpe và hệ số lợi nhuận trên mức giảm tối đa (return to maximum drawdown) thấp hơn VN-Index (với mức tăng trưởng bị ảnh hưởng lớn từ một vài cổ phiếu có mức vốn hóa lớn và thanh khoản thấp) và cao hơn HNX-Index.

Giữa năm 2010, thị trường chứng khoán Việt Nam liên tục giảm điểm, Quỹ đầu tư VFA đã tăng tỷ lệ nắm giữ tài sản an toàn (tiền mặt) trên 50% NAV giúp NAV của Quỹ giảm thấp hơn mức giảm của thị trường. Khi VN-Index phục hồi trong QIV/2010, Quỹ đầu tư VFA đã thực hiện giải ngân theo các tín hiệu mua, giảm tỷ trọng tiền mặt. Tuy nhiên, mức tăng của NAV VFA thấp hơn VN-Index do trong cơ cấu tài sản của Quỹ đầu tư VFA vẫn còn duy trì tỷ lệ tiền mặt từ 5% đến 15% nhằm tận dụng cơ hội lãi suất tăng cao và bảo đảm sự linh hoạt của Quỹ khi có cơ hội đầu tư tốt hơn khi thị trường điều chỉnh trong xu hướng tăng và khi có cổ phiếu có mức giá trong vùng hấp dẫn.

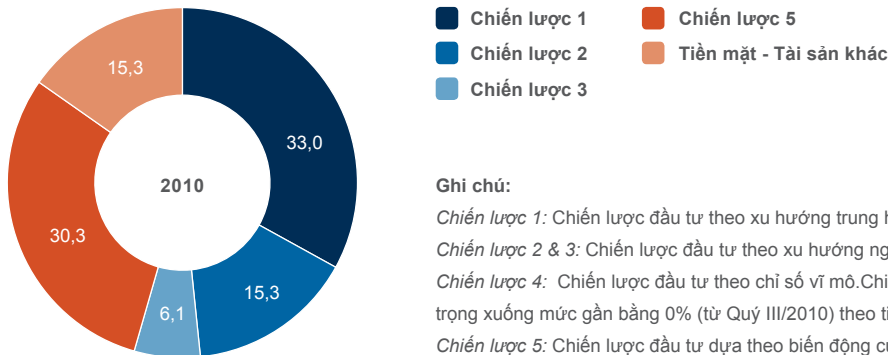
Khoảng cách giữa NAV và giá thị trường (%)



Trong năm 2010, giá thị trường của chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA giao dịch thấp hơn so với giá trị tài sản ròng/chứng chỉ quỹ (NAV/ccq) khoảng 20% đến 10%. Tuy nhiên, tỷ lệ chiết khấu giảm mạnh vào cuối năm 2010 khi thanh khoản thị trường được cải thiện.

DANH MỤC ĐẦU TƯ

Phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư (% NAV)



Ghi chú:

Chiến lược 1: Chiến lược đầu tư theo xu hướng trung hạn

Chiến lược 2 & 3: Chiến lược đầu tư theo xu hướng ngắn hạn

Chiến lược 4: Chiến lược đầu tư theo chỉ số vĩ mô. Chiến lược này đã được điều chỉnh tỷ

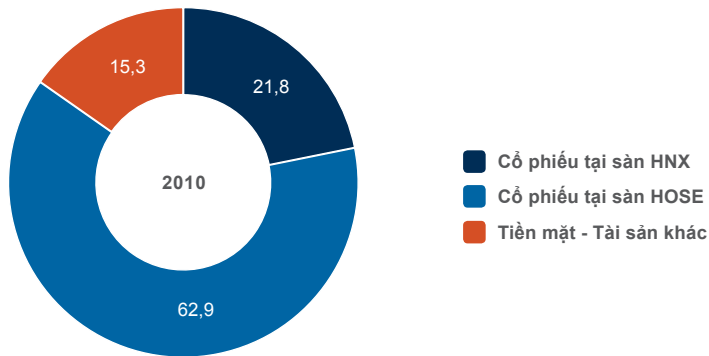
trọng xuống mức gần bằng 0% (từ Quý III/2010) theo tiêu chí phân bổ tài sản của Quỹ đầu tư VFA

Chiến lược 5: Chiến lược đầu tư dựa theo biến động của các cổ phiếu tiềm năng

Quỹ đầu tư VFA thực hiện phân bổ tài sản theo nguyên tắc tối đa hóa tăng trưởng tiềm năng và giảm thiểu hóa rủi ro tiềm tàng dựa trên lý thuyết thông tin. Vì thế, các chiến lược đầu tư theo xu hướng ngắn hạn chiếm tỷ trọng không cao trong danh mục (trung bình từ 20% đến 30% NAV). Chiến lược đầu tư theo xu hướng trung hạn luôn duy trì hệ số lợi nhuận/ rủi ro tốt nhất, vì vậy tỷ trọng của chiến lược này được duy trì ổn định khoảng 30%-40% NAV. Tỷ trọng của chiến lược đầu tư dựa theo biến động của các cổ phiếu tiềm năng dao động từ 10% đến 30% danh mục trong năm 2010 và có thể tăng/ giảm trong năm 2011 tùy thuộc vào khả năng tìm kiếm các cổ phiếu của chiến lược này.

Phân bổ tài sản theo các chiến lược được cập nhật thường xuyên khi (1) thị trường có những thay đổi đáng kể và (2) dựa trên cơ sở của lý thuyết thông tin: tối đa hóa tăng trưởng tiềm năng đồng thời giảm thiểu hóa rủi ro tiềm tàng. Vì thế, chiến lược đầu tư theo chỉ số vĩ mô trong năm 2010 đã được giảm tỷ trọng xuống gần bằng 0% theo tiêu chí phân bổ tài sản mà Quỹ đầu tư VFA đã đặt ra. Ngoài ra, tỷ trọng của các chiến lược đầu tư theo xu hướng đã được điều chỉnh sau mỗi lần thực hiện mua bán dựa trên tiêu chí của lý thuyết thông tin - tăng tỷ trọng của chiến lược 1 (đầu tư theo xu hướng trung hạn) và giảm tỷ trọng của chiến lược 2 và 3 (đầu tư theo xu hướng ngắn hạn).

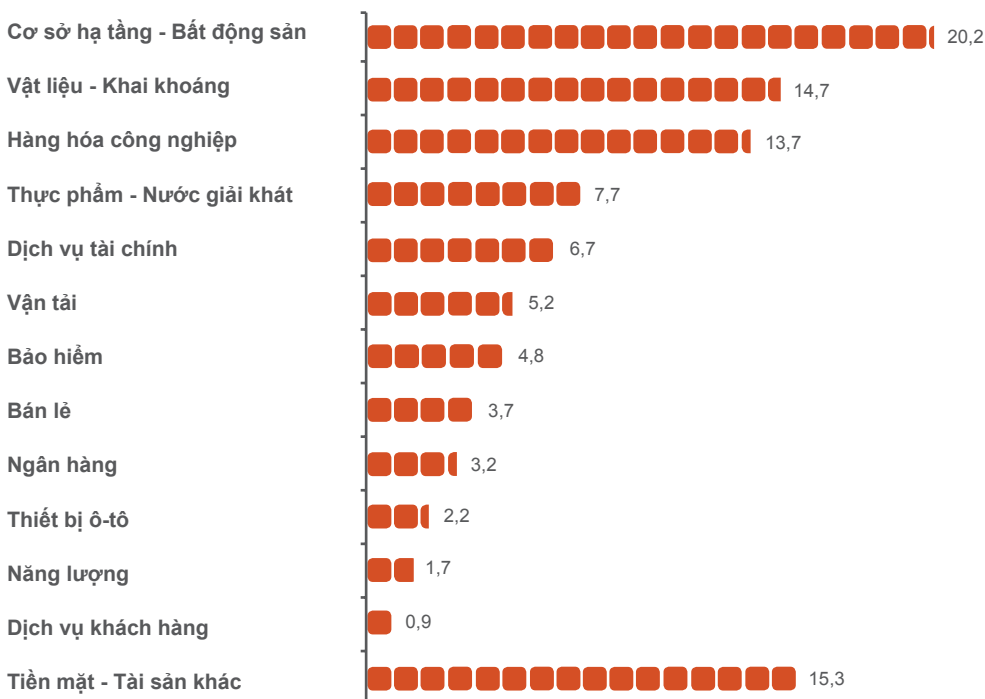
Phân bổ tài sản theo loại cổ phiếu (% NAV)



Tỷ trọng cổ phiếu niêm yết trên hai sàn HOSE và HNX trong danh mục cổ phiếu được duy trì ở mức 75:25 nhằm tăng tính đa dạng và tính thanh khoản cho các hoạt động giải ngân và thanh toán. Tỷ lệ này sẽ được thay đổi dựa trên độ hấp dẫn tương đối của các cổ phiếu trên hai sàn.

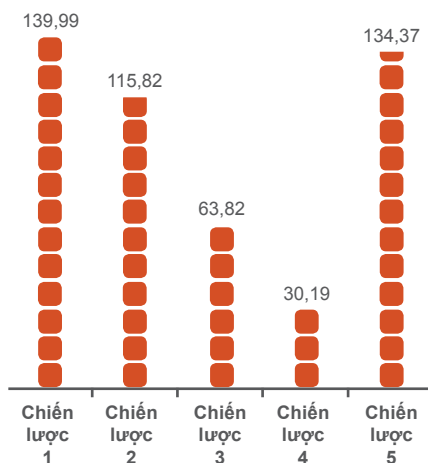
Với chiến lược đầu tư theo xu hướng trên Index nên các khoản đầu tư trong danh mục của Quỹ đầu tư VFA phân bổ vào 14 ngành nghề theo tỷ trọng gần bằng tỷ trọng của thị trường. Các ngành Bất động sản – Cơ sở hạ tầng, Vật liệu khai khoáng và Hàng hóa công nghiệp có tỷ trọng tương đối cao hơn khi chiến lược 5 chủ yếu đầu tư vào các cổ phiếu ngành này.

Phân bổ tài sản theo ngành (%)

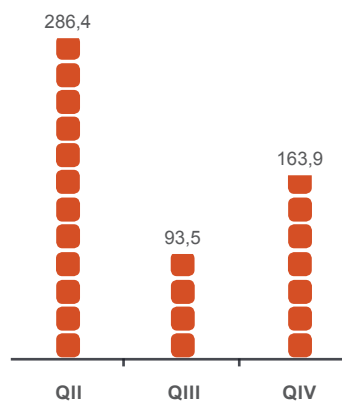


TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN – THANH HOÁN NĂM 2010

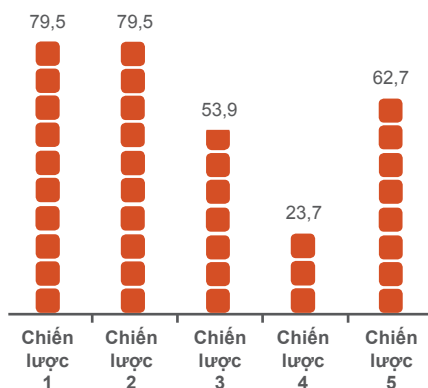
Giá trị giải ngân theo chiến lược (tỷ đồng)



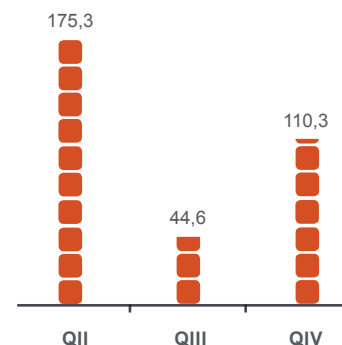
Giá trị giải ngân theo quý (tỷ đồng)



Giá trị thanh toán theo chiến lược (tỷ đồng)



Giá trị thanh toán theo quý (tỷ đồng)



Trong năm 2010, chiến lược đầu tư theo xu hướng trung hạn hoàn tất một vòng mua bán khi giải ngân tại thời điểm bắt đầu hoạt động (tháng 4/2010) và cắt lỗ để bảo toàn vốn khi thị trường giảm điểm trong giữa tháng 5/2010. Chiến lược này thực hiện giải ngân lại khi VN-Index vào khoảng 465 điểm. Vì thế IRR (tỷ suất sinh lời nội bộ) của chiến lược này là -0,8% tương đương với 15,7% mức giảm của VN-Index.

Các chiến lược đầu tư theo xu hướng ngắn hạn (chiến lược 2 và 3) đều hoàn tất hai vòng mua bán (round trade). Các tín hiệu bán được thực hiện chủ yếu với mục đích bảo toàn vốn khi thị trường đi xuống khi IRR của 2 chiến lược này lần lượt là -1,5% và 2,2%, thấp hơn mức giảm của VN-Index (-5,1%). Các chiến lược này thực hiện giải ngân lại khi VN-Index đi vào xu hướng tăng trong tháng 12/2010.

Chiến lược 5 là chiến lược đầu tư dựa theo biến động của các cổ phiếu tiềm năng dựa trên nguyên tắc chọn lọc (scanning) theo các chỉ số cơ bản như P/E, Earning growth (mức tăng trưởng doanh lợi), P/B, nên chiến lược này phần lớn thời gian trong tình trạng được nắm giữ. Thanh toán từ chiến lược 5 chủ yếu do hoạt động chốt lời các cổ phiếu đạt mức lợi nhuận kỳ vọng và hoạt động cắt lỗ khi thị trường diễn biến xấu. Do giá của các cổ phiếu trong chiến lược này có biến động lớn và nhiễu (noisy data) nên có mức cắt lỗ thấp hơn các chiến lược còn lại. Chiến lược này cũng tăng cường giải ngân khi thị trường bắt đầu xu hướng tăng trong Quý IV/2010.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Lợi nhuận ròng

| Nội dung (tỷ đồng) | 2010 |
|---|---------------|
| Lỗ từ việc bán chứng khoán | (10,7) |
| Chênh lệch giá chứng khoán chưa thực hiện | (14,0) |
| Cổ tức & trái tức | 3,6 |
| Lãi/ (Lỗ) từ hoạt động đầu tư | (21,1) |
| Lãi ngân hàng | 6,7 |
| Chi phí | 4,6 |
| Lỗ ròng | (19,0) |

Trong năm 2010, chênh lệch giá chứng khoán thực hiện là -10,7 tỷ đồng chủ yếu do việc cắt lỗ để bảo toàn vốn trong danh mục theo tiêu chí đã đề ra trong điều lệ Quỹ.

Với tỷ trọng bình quân là 44,1% NAV, Quỹ đầu tư VFA đã tối ưu hóa các khoản tiền gửi khi cân bằng giữa việc tối đa hóa lãi suất được nhận đồng thời bảo đảm tính linh hoạt khi các tín hiệu mua bán xuất hiện. Kết quả là, lãi từ tiền gửi ngân hàng đạt 6,7 tỷ đồng, tương ứng với 3,1% NAV trung bình.

Cơ cấu lợi nhuận theo loại tài sản

| | IRR (%) | Tỷ suất lợi nhuận của thị trường (%) | Tỷ trọng bình quân (%) | Đóng góp trong danh mục (%) |
|----------------------|---------|--------------------------------------|------------------------|-----------------------------|
| Cổ phiếu sàn HOSE | (13,9) | (5,1) | 41,3 | (5,7) |
| Cổ phiếu sàn HNX | (18,8) | (30,4) | 14,6 | (2,7) |
| Cổ phiếu niêm yết | (15,2) | | 55,9 | (8,5) |
| Tiền và tài sản khác | 6,0 | | 44,1 | 2,6 |
| Tổng cộng | | | | (5,9) |

Tăng trưởng chưa bao gồm phí của Quỹ đầu tư VFA là -5,9%, tương đương với tăng trưởng của VN-Index trong cùng kỳ. Xét theo cơ cấu ngành, do tỷ trọng của các ngành trong danh mục thay đổi theo tín hiệu mua bán trên index và theo tín hiệu chọn lựa (scanning) các cổ phiếu tiềm năng nên tỷ suất lợi nhuận theo ngành của Quỹ đầu tư VFA không theo sát với tỷ suất lợi nhuận của thị trường.

Cơ cấu lợi nhuận theo chiến lược mua bán

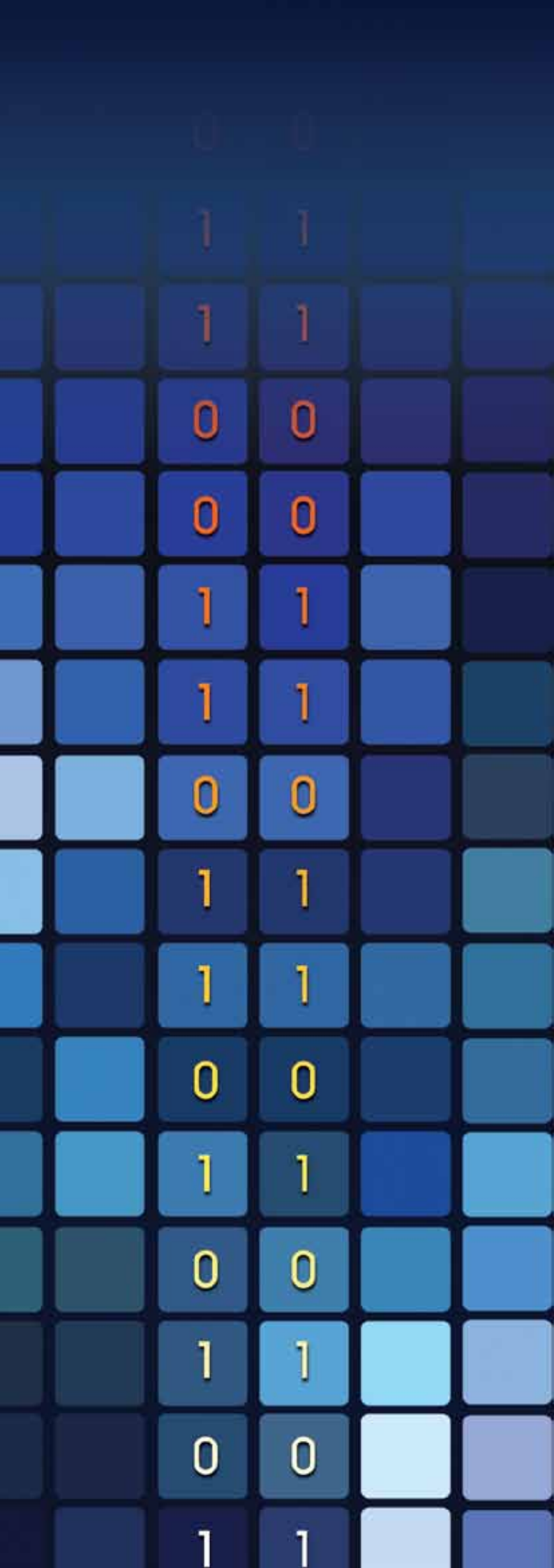
| | Tỷ trọng bình quân (%) | IRR (%) | Đóng góp trong danh mục (%) |
|------------------------------|---------------------------|---------|-----------------------------------|
| Chiến lược 1 | 29,9 | (0,8) | (0,2) |
| Chiến lược 2 | 22,1 | (1,5) | (0,3) |
| Chiến lược 3 | 13,5 | (2,2) | (0,3) |
| Chiến lược 4 | 11,9 | (10,8) | (1,3) |
| Chiến lược 5 | 22,6 | (16,5) | (3,7) |
| Tổng các khoản đầu tư | | | (5,9) |

Xét trên từng chiến lược, các chiến lược đầu tư theo xu hướng (chiến lược 1,2,3) do không có cơ chế bán khống (short-sell) nên các chiến lược này không tìm kiếm lợi nhuận khi thị trường đi xuống và vì thế hầu như đi ngang trong suốt giai đoạn từ tháng 5 đến tháng 11. Các chiến lược này gặp một số tín hiệu giả nên có lợi nhuận âm (IRR tương ứng là -0,8%, -1,5% và -2,2%), tuy nhiên, mức độ giảm thấp hơn VN-Index. Chiến lược 5 mặc dù có tỷ suất lợi nhuận thấp, nhưng độ hấp dẫn của các cổ phiếu này tăng cao so với mức P/E trong khoảng 3-5 lần, mức P/B trong khoảng 1,5 đến 2 lần, chỉ số Drawdown (mức giảm từ đỉnh) trong khoảng 50~40% nên tỷ trọng vẫn được duy trì ở mức 30~40% NAV.

Do thị trường Việt Nam còn trong giai đoạn phát triển và biến đổi nhanh, nên Quỹ đầu tư VFA luôn theo dõi sự thay đổi của thị trường, đồng thời không ngừng nghiên cứu để tìm kiếm các công cụ đầu tư tốt nhất. Tỷ trọng của các chiến lược sẽ thay đổi trong tương lai nhằm đạt được hiệu quả cao nhất khi thị trường thay đổi.

Cơ cấu lợi nhuận theo ngành

| | Tỷ suất lợi nhuận của thị trường | IRR trong danh mục |
|------------------------------|--|-----------------------|
| Thiết bị ô-tô | (32,7) | (29,1) |
| Ngân hàng | (4,2) | (20,3) |
| Hàng hóa công nghiệp | (22,6) | (23,9) |
| Hàng tiêu dùng | (7,5) | 30,0 |
| Dịch vụ tài chính | (3,4) | 13,4 |
| Năng lượng | (14,4) | (10,4) |
| Thực phẩm – Nước giải khát | (10,1) | (19,0) |
| Bảo hiểm | 43,7 | 49,0 |
| Vật liệu - Khai khoáng | (19,7) | (17,6) |
| Dược phẩm | (19,4) | 0,6 |
| Cơ sở hạ tầng – Bất động sản | (5,7) | (10,0) |
| Bán lẻ | (13,0) | (7,7) |
| Vận tải | (10,8) | (32,7) |
| Tiện ích công cộng | (24,6) | (47,3) |
| Dịch vụ khách hàng | 18,3 | 50,5 |



CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ THEO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

Chiến lược đầu tư theo xu hướng (Trend Following)

Một trong những chiến lược đầu tư định lượng cơ bản là chiến lược đầu tư theo xu hướng thị trường (trend following). Chiến lược này dựa trên nguyên tắc tham gia thị trường khi có xu thế tăng (mua) hoặc giảm (bán khống) và xu thế này là dài hạn và rõ ràng, đồng thời, chốt lời khi xu thế này đảo

chiều hoặc không còn và thị trường đi vào thời kỳ ít biến động (sideways). Bên cạnh nguyên tắc chính này, chiến lược quản lý rủi ro qua các cơ chế cắt lỗ, phân bổ tài sản và đa dạng hóa đầu tư vẫn được lượng hóa và áp dụng.

Các chiến lược (Trend Following) Quỹ đầu tư VFA đang thực hiện

■ Chiến lược đầu tư theo xu hướng trung hạn (chiến lược 1)

Tín hiệu mua bán dựa trên chỉ báo về độ biến động của thị trường (volatility). Dựa trên diễn biến của biến động thị trường (volatility behavior), các tín hiệu mua bán được tính toán và tối ưu giữa việc (1) tìm kiếm các giá mua thấp nhất và các giá bán cao nhất và (2) hạn chế các tín hiệu giả. Hoạt động tối ưu hóa dựa trên thuật toán di truyền đã đưa ra kết quả là chiến lược này hoạt động hiệu quả nhất trong trung hạn.

Mức cắt lỗ được tính bởi công thức $(1-s\%) \times \text{Giá mua}$, trong đó $s\%$ là phần trăm lỗ kỳ vọng khi xuất hiện tín hiệu giả. Do mô hình này thực hiện mua bán theo xu hướng trung hạn nên mức cắt lỗ tương đối thấp so với giá mua nhằm hạn chế các tín hiệu mua bán giả trong ngắn hạn. Mức cắt lỗ được tối ưu hóa bằng thuật toán di truyền.

Tỷ trọng của chiến lược. Dựa trên nguyên tắc của lý thuyết thông tin, chiến lược này được phân bổ từ 30% đến 40% danh mục tùy thuộc vào biến động của thị trường và mối tương quan với các chiến lược khác.

■ Chiến lược đầu tư theo xu hướng ngắn hạn (chiến lược 2 và 3)

Tín hiệu mua bán dựa trên các chỉ báo về phân tích kỹ thuật. Các chỉ báo như đường trung bình động, các kênh giá (price channel), MACD... được kết hợp để đưa ra các tín hiệu mua bán tốt nhất.

Mức cắt lỗ. Mức cắt lỗ tương đối gần với giá mua do xác suất gặp tín hiệu giả của các chiến lược này cao

hơn chiến lược đầu tư theo xu hướng trung hạn. Mức cắt lỗ được tối ưu hóa bằng thuật toán di truyền.

Tỷ trọng của chiến lược. Dựa trên nguyên tắc của lý thuyết thông tin, chiến lược này được phân bổ từ 20~30% danh mục tùy thuộc vào biến động của thị trường và mối tương quan với các chiến lược khác.

■ Chiến lược đầu tư theo chỉ số vĩ mô (chiến lược 4)

Chiến lược này đã được điều chỉnh tỷ trọng xuống mức gần bằng 0% theo tiêu chí phân bổ tài sản của Quỹ đầu tư VFA.

■ Chiến lược đầu tư theo biến động của cổ phiếu tiềm năng (chiến lược 5)

Tiêu chí đầu tư. Các cổ phiếu được chọn lọc (scanning) theo điểm được tính toán từ các tiêu chí về phân tích cơ bản như tăng trưởng EPS, P/E, P/B, mức rút từ đỉnh (drawdown), v.v. Mô hình sẽ lựa chọn những cổ phiếu có tổng số điểm nằm trong vùng hấp dẫn để thực hiện mua bán.

Mức cắt lỗ. Do các cổ phiếu thường có biến động lớn và có mức độ nhiễu (noise) lớn nên mức cắt lỗ tương đối thấp so với giá mua nhằm hạn chế những tín hiệu mua bán giả. Mức cắt lỗ được tối ưu hóa bằng thuật toán di truyền.

Tỷ trọng của chiến lược. Dựa trên nguyên tắc của lý thuyết thông tin và tùy thuộc vào khả năng tìm kiếm của mô hình chọn lọc (scanning), tỷ trọng của chiến lược có thể dao động từ 0% đến 40% danh mục.

Hệ thống phân bổ tài sản và quản lý rủi ro

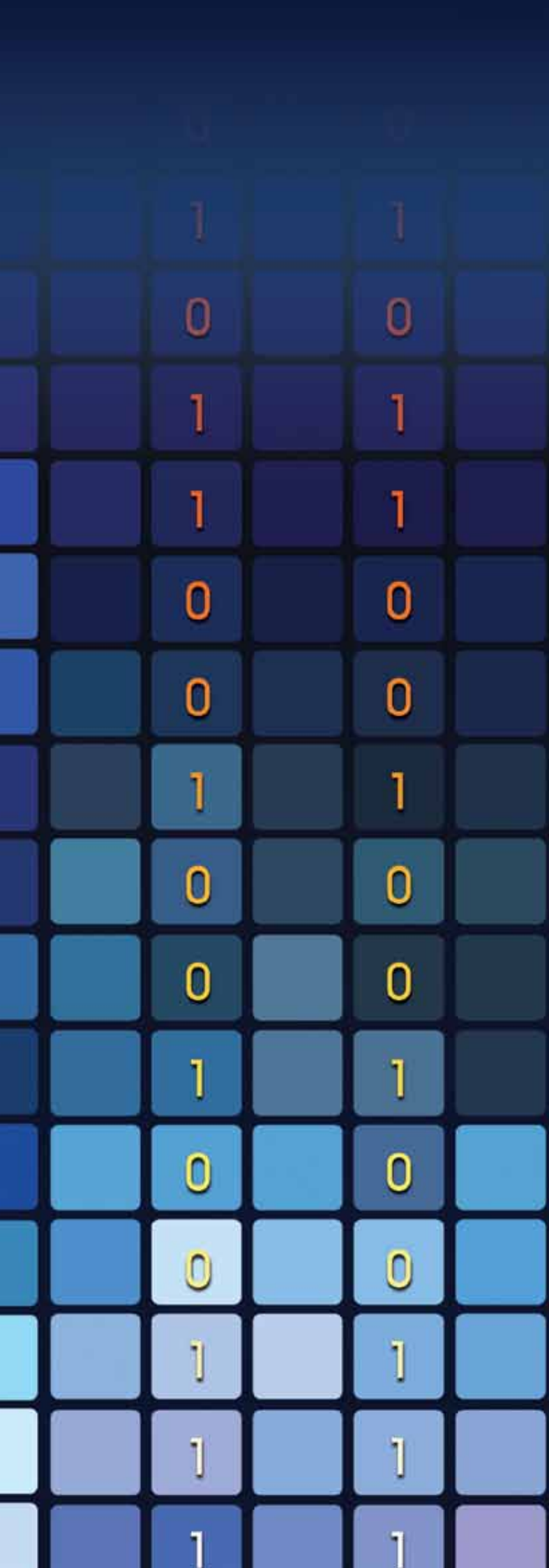
Quý đầu tư VFA đặc biệt chú trọng đến đào sâu nghiên cứu về các công cụ quản lý rủi ro và phân bổ tài sản, những yếu tố tạo nên sự khác biệt lớn cho sự tăng trưởng dài hạn của NAV dựa trên ảnh hưởng rất lớn của hiệu ứng lãi kép. Với hệ thống quản lý rủi ro và phân bổ tài sản hợp lý, tốc độ tăng trưởng của tài sản được tối đa hóa và đồng thời giảm thiểu được biến động.

Hệ thống phân bổ tài sản

Quyết định quy mô đầu tư cho mỗi mô hình định lượng dựa trên xác suất sinh lời của mô hình để cân bằng giữa mục tiêu tối đa hóa tăng trưởng dài hạn và giảm thiểu rủi ro phá sản. Quý đầu tư VFA sử dụng lý thuyết thông tin (the information theory), được phát kiến bởi nhà nghiên cứu của công ty Bell Labs, Claude Shannon, nhằm tăng cường độ tin cậy của các cuộc liên lạc điện thoại thường và điện thoại di động. Trong lý thuyết này, một trong những yếu tố đo lường quan trọng của thông tin là entropy, (entropy được tính bằng số bit trung bình cần thiết cho mỗi cuộc liên lạc). Nếu độ tin cậy của thông tin càng cao, thì entropy - hay số bit trung bình cần thiết cho mỗi cuộc liên lạc - càng thấp và ngược lại. Nói cách khác, độ tin cậy của thông tin càng cao thì lượng thông tin cần thiết trên mỗi kênh thông tin càng cao, vì thế cần ít kênh thông tin hơn (chẳng hạn số bit cần thiết để truyền tải thông tin sẽ ít hơn). Lý thuyết của Shannon cũng chú ý đến equivocation (tạm dịch là xác suất thông điệp của thông tin đưa ra là sai) và tìm ra cách để loại trừ equivocation ra khỏi kênh thông tin để xác định lượng thông tin chính xác. Thông tin trên thị trường chứng khoán cũng có những equivocation vì độ chính xác của thông tin cũng xảy ra theo xác suất vì thông tin chính xác về thị trường có thể chưa được biết đến một cách đầy đủ. Mỗi mô hình định lượng đều có xác suất thành công khác nhau, hay mức độ tin cậy khác nhau. Vì thế, lý thuyết thông tin được ứng dụng trong việc phân bổ tài sản ở khía cạnh lý thuyết này sẽ cho biết cách sử dụng độ tin cậy của các mô hình định lượng để phân bổ tài sản vào các mô hình mua bán này.

Hệ thống quản lý rủi ro

Hệ thống này đưa ra các cơ chế cắt lỗ để giảm khả năng toàn bộ danh mục phát sinh lỗ khi mô hình xuất hiện các tín hiệu mua không thành công (whipsaw) hoặc khi có khủng hoảng. Bên cạnh đó, cơ chế tái gia nhập thị trường cũng được thiết lập để giảm khả năng mua giá cao hơn nhiều so với giá mua ban đầu trước khi tín hiệu cắt lỗ giả xuất hiện. Mặt khác, cơ chế quản lý rủi ro cũng xây dựng các chỉ báo “phản vệ” (technical counter indicator) nhằm xác định thời điểm cắt giảm quy mô đầu tư trong điều kiện thị trường không thuận lợi. Hệ thống này được thiết lập thông qua phương pháp tối ưu hóa dựa trên phương thức Trí tuệ nhân tạo (Artificial intelligence - Machine learning) nói chung và thuật toán tiến hóa (Evolutionary algorithms) nói riêng. Thuật toán tiến hóa mô phỏng thuyết tiến hóa sinh học để tìm ra các đáp án tốt nhất cho các vấn đề có độ phức tạp cao. Yếu tố quyết định của phương pháp này chính là khả năng thích ứng khi điều kiện thị trường thay đổi.



**HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN
ĐẠI DIỆN QUỸ**

GIỚI THIỆU BAN ĐẠI DIỆN QUỸ



Ông Thái Tấn Dũng
Chủ tịch

- Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Dệt May Thái Tuấn (1993 – 2001).
- Thành viên HĐQT Ngân hàng như Ngân Hàng TMCP Đại Á và Công ty Cổ Phần Nam Long.
- Chủ tịch Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ky Vy từ năm 2001.
- Chủ tịch Hội Đồng Quản trị Công ty Chứng khoán Đại Việt (2006 – nay).



Ông Phan Ngọc Diệp
Phó Chủ tịch

- Thạc sĩ, Đại Học Quốc Gia Hà Nội – Western Pacific America năm 2004.
- Huân chương Lao động hạng III, giai đoạn 2002 – 2006.
- Tổng Giám Đốc công ty Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và KCN Sông Đà (Sudico) từ năm 2003 – 2006.
- Chủ tịch Hội Đồng Quản trị Công ty Sudico từ tháng 11/2006.



Ông Bùi Nguyên Quỳnh
Thành viên

- Cử nhân, Đại học Kinh Tế Quốc Dân năm 2002, chuyên ngành Tài chính Ngân hàng.
- Nhiều năm kinh nghiệm công tác tại Ngân hàng Chohung Vina, Công ty kiểm toán Ernst & Young Việt Nam, Công ty CP Quản lý vốn T&M, công ty Quản lý Vốn đầu tư Việt Nhân.
- Phó Phòng Đầu tư và Dịch vụ tài chính thuộc Công ty Tài chính Cổ phần Xi Măng từ tháng 8/2008 đến nay.



Ông Nguyễn Trường Giang
Thành viên

- Thạc sĩ, Đại học kinh tế Quốc Dân năm 2001.
- Hơn 10 năm kinh nghiệm tại các bộ phận Phát Triển Kinh Doanh, bộ phận Kế Hoạch và Tiếp Thị của nhiều đơn vị thành viên thuộc Tổng Công Ty Bưu Chính Viễn Thông.
- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện từ năm 2008.



Ông Nguyễn Mạnh Hải
Thành viên

- Cử nhân Kinh tế hạng xuất sắc từ trường Đại học Queens Mary và Westfield College, Vương quốc Anh, năm 2000.
- Cử nhân Quản lý và Quản trị kinh Doanh từ trường Đại học Reading, Vương Quốc Anh năm 2003.
- Phó Giám Đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ, Phụ trách các mảng Đầu tư, Tụ doanh, Tư vấn Tài chính, Nghiên cứu & Phân tích, Quan hệ Định chế Tài chính và Quan hệ Cổ đông tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex.



Ông Vũ Trung Thành
Thành viên

- Thạc sĩ, Đại học Hull, Anh Quốc năm 2005.
- Nhiều năm kinh nghiệm công tác tại Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank trong lĩnh vực Quan hệ công chúng, Chăm sóc nhà đầu tư, Phân tích đầu tư...
- Tổng Giám Đốc, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Chứng Khoán Ngân hàng Công Thương, chi nhánh Hà Nội từ tháng 3/2010.



Ông Lê Anh Tuấn
Thành viên

- Cử nhân Kinh tế tại trường Đại Học Kinh tế, Tp.HCM năm 2000.
- Thạc sĩ, chuyên ngành Tài chính tại trường Đại học Willamette, Hoa kỳ, hạng xuất sắc năm 2003.
- Tiến sĩ, chuyên ngành Kinh tế, hạng Danh dự từ trường Đại học Penn State, Hoa kỳ, năm 2008.
- Công tác tại Merrill Lynch, OR (2003-2004).
- Giám đốc Nghiên cứu Công ty Dragon Capital, Việt Nam từ năm 2008 đến nay.

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ TRONG NĂM 2010

Trong năm 2010, Ban Đại diện Quỹ đầu tư VFA đã tổ chức các phiên họp định kỳ, trong đó thông qua các nội dung quan trọng trong công tác định hướng và giám sát các hoạt động của Quỹ.

Vào ngày 15/04/2010, Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA) tổ chức Đại hội thành lập Quỹ tại khách sạn Rex, Quận 1, Tp.HCM, nội dung Đại hội xoay quanh các báo cáo về quá trình huy động vốn, báo cáo kết quả phát hành chứng chỉ quỹ, thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động... cũng như bầu ra Ban Đại diện Quỹ đầu tư VFA theo quy định tại Điều lệ Quỹ. Theo đó, Ban Đại diện Quỹ nhiệm kỳ 1 (2010 – 2012) bao gồm 7 thành viên sau:

1. Ông Thái Tấn Dũng - Chủ tịch
2. Ông Phan Ngọc Diệp - Phó Chủ tịch
3. Ông Nguyễn Trường Giang - Thành viên
4. Ông Nguyễn Mạnh Hải - Thành viên
5. Ông Bùi Nguyên Quỳnh - Thành viên
6. Ông Vũ Trung Thành - Thành viên
7. Ông Lê Anh Tuấn - Thành viên

Tại Đại hội thành lập Quỹ, định hướng đầu tư, chiến lược đầu tư của Quỹ và kế hoạch hoạt động trong năm 2010 cũng được trình bày và được thông qua với tỷ lệ đồng ý 100%.

Quỹ đầu tư VFA tổ chức phiên họp Ban Đại diện Quỹ đầu tiên tại Đà Nẵng vào ngày 13/05/2010. Trong lần họp này, Ban Đại diện đã thông qua các báo cáo tình hình hoạt động Quỹ đầu tư VFA trong Quý I/2010, tháng 04/2010 và kế hoạch hoạt động Quý II/2010 của Quỹ đầu tư VFA. Kế hoạch đầu tư



Buổi thảo luận với Tiến sĩ Trần Hoàng Ngân ngày 13/07/2010

và danh mục đầu tư dự kiến cho Quý II/2010 được tóm tắt như sau:

- Thực hiện thanh toán khi tín hiệu bán xuất hiện.
- Khi thị trường đảo chiều đi xuống, Quỹ đầu tư VFA sẽ chủ động tham gia các loại sản phẩm cấu trúc tiền gửi nhằm tối ưu hóa lợi nhuận khoản tiền mặt nắm giữ .
- Danh mục đầu tư sẽ thay đổi theo từng thời điểm nhằm đảm bảo khả năng bám sát thị trường tốt nhất .

Ngoài ra, các thành viên trao đổi và thống nhất kế hoạch niêm yết Quỹ đầu tư VFA vào ngày 09/08/2010.

Vào ngày 13/07/2010, Ban Đại diện đã định kỳ tổ chức họp lần 2/2010 tại Tp.HCM. Với mong muốn tăng cường tín hiệu quả trong hoạt động đầu tư cũng như có được các định hướng, nhận định về xu thế thị trường chứng khoán trong thời gian tới thêm chuẩn xác, Ban Điều hành Quỹ đã tổ chức buổi thảo luận chung về tình hình kinh tế thế giới, Việt Nam với sự tham gia của Tiến sĩ Trần Hoàng Ngân, thành viên Hội đồng Tư vấn chính sách tài chính - tiền tệ quốc gia cùng trao đổi.



Ban Đại Diện Quỹ ngày 15/04/2010

Các thành viên cũng thông qua các báo cáo tình hình hoạt động Quỹ đầu tư VFA trong Quý II/2010 và kế hoạch hoạt động Quý III/2010 của Quỹ đầu tư VFA. Trong giai đoạn thị trường có những biến động giảm ảnh hưởng nhiều đến NAV Quỹ, Ban Đại diện cùng Ban điều hành Quỹ đã phân tích, đánh giá, nhận định tình hình và cân nhắc việc cân đối lại tỷ lệ đầu tư thích hợp nhất theo từng giai đoạn tăng giảm thị trường tương ứng như theo tỷ lệ 70-30 hoặc 60-40. Bên cạnh đó, các thành viên cùng thống nhất được ngày niêm yết của Quỹ đầu tư VFA vào tháng 08/2010. Qua lần họp này, các thành viên nhất trí thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế công tác phí của Ban Đại diện Quỹ cũng như việc chọn công ty kiểm toán PwC là đơn vị kiểm toán cho Quỹ đầu tư VFA năm 2010.

Ngày Thứ Hai 09/08/2010, Quỹ đầu tư VFA đã tổ chức Lễ Niêm yết và Chào mừng ngày giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM với sự tham dự của ông Trần Đắc Sinh, Tổng Giám Đốc Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE) cùng các thành viên trong Ban Đại diện Quỹ đầu tư VFA, các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân.

Ngày 22/10/2010, tại Hà Nội, Quỹ đầu tư VFA cùng các thành viên trong Ban Đại diện cùng Ban Điều hành Quỹ đã tổ chức buổi thảo luận chung về bức tranh kinh tế, với khách mời vinh dự là Tiến sĩ Võ Trí Thành, Phó Viện Trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung Ương. Tại buổi thảo luận các thành viên Ban Đại diện các quỹ từ các tổ chức định chế tài chính, đầu tư lớn như ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm... cùng Tiến sĩ Thành đã cung cấp và bổ sung được nhiều nguồn thông tin quan trọng hỗ trợ việc định hướng, góp phần cho việc nhận định về tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán thêm rõ ràng.

Đây là giai đoạn thị trường chứng khoán cực kỳ âm ảm trong bối cảnh kinh tế chưa hội đủ các yếu tố tích cực hỗ trợ. Thị trường giao dịch theo xu hướng đi ngang nên gây khó khăn và ảnh hưởng đến chiến lược đầu tư của Quỹ đầu tư VFA,

vì vậy, hiệu quả hoạt động chưa như mong đợi. Hiện tại, Quỹ tăng cường việc giữ tiền mặt, chờ đợi các cơ hội và các tín hiệu tích cực từ thị trường. Trong điều kiện thị trường, với các nhận định kinh tế chưa lạc quan, tất cả các thành viên trong Ban Đại diện Quỹ thống nhất: (a) tăng tỷ lệ tiền mặt giữ ở tỷ lệ tối thiểu 50%, (b) nếu nhận được các tín hiệu thị trường biến động tăng mạnh cũng như có nhiều yếu tố tích cực hỗ trợ thị trường, Quỹ đầu tư VFA sẽ xin ý kiến bằng văn bản hoặc thư điện tử để điều chỉnh kế hoạch của hoạt động đầu tư trong thời gian sớm nhất.

Nhằm tối ưu hóa hoạt động đầu tư của quỹ cũng như tăng cường tính hiệu quả, đảm bảo được việc giảm tối thiểu khoản giảm trong NAV, các thành viên trong Ban Đại diện đã làm việc rất trách nhiệm, cân nhắc thận trọng từng hoạt động, chiến lược đầu tư của Quỹ đầu tư VFA để có những quyết định tốt nhất đối với hoạt động quỹ. Trong kỳ họp này, các thành viên cũng thống nhất đề xuất về kế hoạch và chi phí thực hiện Báo cáo Thường niên và Đại hội Thường niên.

Ngoài ra, các thành viên còn phân tích, nghiên cứu về cơ cấu tỷ lệ tiền mặt, cũng như đề xuất việc duy trì tỷ lệ này trong điều kiện thị trường chưa có nhiều yếu tố tích cực tác động. Đề xuất từ phía Ngân hàng giám sát HSBC trong việc sử dụng giá trung bình cho các chứng khoán niêm yết UPCOM cũng được thông qua trong lần họp này.



Buổi thảo luận với Tiến sĩ Võ Trí Thành ngày 22/10/2010



VIETFUND
MANAGEMENT

Tầm nhìn

Là Công ty Quản lý Quỹ hàng đầu Việt Nam với tổng giá trị tài sản quản lý lớn nhất, mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất.

Sứ mệnh

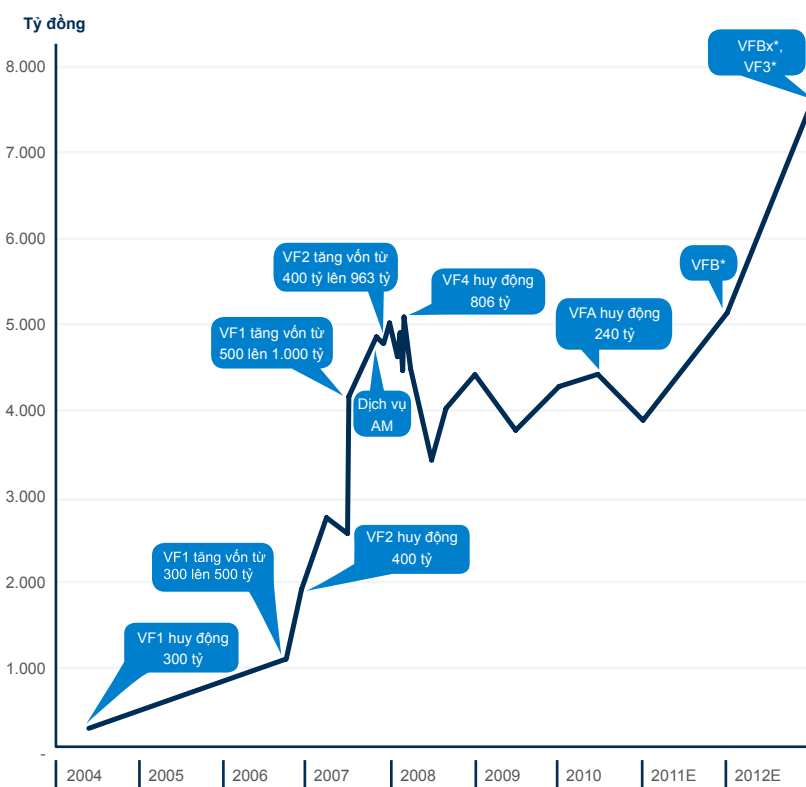
Chúng tôi không ngừng nâng cao giá trị đầu tư thông qua quá trình nghiên cứu chuyên sâu, đầu tư và giao dịch hiệu quả. Ngoài ra, chúng tôi thiết lập và luôn gìn giữ môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, minh bạch dựa trên tinh thần đoàn kết, sáng tạo, trách nhiệm và tôn trọng văn hóa kinh doanh nhằm hướng đến mục tiêu cung cấp các dịch vụ tài chính đa dạng và hiệu quả nhất cho nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Phương châm hoạt động

Phương châm hoạt động của chúng tôi là quản trị rủi ro, hướng đến sự phát triển lâu dài và ổn định. Công ty VFM luôn lựa chọn và phát triển danh mục đầu tư hiệu quả với độ rủi ro thấp nhất cho nhà đầu tư. Trong điều kiện thị trường có nhiều biến động, công ty luôn đề ra chiến lược đầu tư rõ ràng và kiên định triển khai những chiến lược này hiệu quả nhất. Ngoài ra, chúng tôi xem việc xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng và các đối tác trong đầu tư là phương thức giám sát hoạt động công ty và gia tăng giá trị đầu tư hiệu quả nhất.

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY VFM

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) là công ty quản lý quỹ trong nước hoạt động đầu tiên tại Việt Nam. Công ty VFM đi đầu trong việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính đa dạng và hiệu quả cho Nhà đầu tư trong và ngoài nước. Được thành lập từ năm 2003, sau 7 năm hoạt động, đến nay chúng tôi đang quản lý 3 quỹ công chúng dạng đóng niêm yết tại Sở GDCK Tp. HCM và một quỹ thành viên với tổng số vốn quản lý ban đầu từ 300 tỷ đồng đã tăng lên đỉnh điểm là hơn **5.000 tỷ đồng**. Công ty có mạng lưới kết nối với hơn **15.000** nhà đầu tư bao gồm các cá nhân và pháp nhân trong và ngoài nước thông qua các quỹ đầu tư và dịch vụ quản lý danh mục đầu tư.



Biểu đồ tăng trưởng tổng tài sản quản lý

(gồm số vốn huy động và tăng trưởng NAV của các quỹ và dịch vụ qua từng năm).

(*) Các quỹ dự kiến huy động.

Là một tổ chức tài chính tập hợp các nhà đầu tư nhỏ lẻ, đầu tư một cách tối ưu và chuyên nghiệp nhất vào thị trường chứng khoán, hoạt động của công ty quản lý quỹ VFM được xem là thước đo chuẩn cho các hoạt động đầu tư nói chung và góp phần tạo sự ổn định cho TTCK. Đối với nhà đầu tư, tài sản của các quỹ mà chúng tôi đang quản lý đều được báo cáo và định giá (giá trị NAV) dưới sự giám sát chặt chẽ và minh bạch bởi ngân hàng giám sát, Sở Giao dịch Tp.HCM, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công ty kiểm toán. Từ đó, chúng tôi cam kết mang lại giá trị tăng trưởng ổn định song song với quản trị rủi ro hiệu quả thông qua hai tiêu chí như sau:

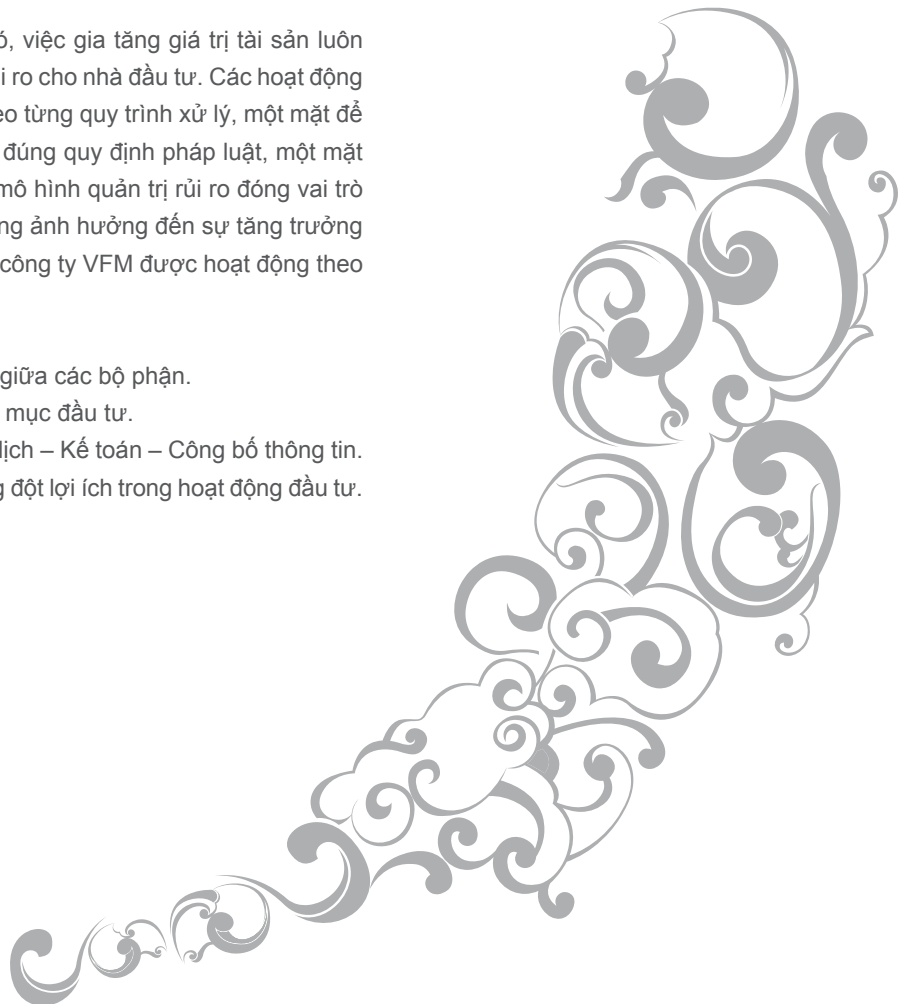
Chuyên nghiệp trong hoạt động đầu tư

Hoạt động đầu tư là hoạt động trọng tâm cốt lõi của công ty VFM mà ở đó chúng tôi tập trung ưu tiên sử dụng nguồn lực tốt nhất, quy trình, kỹ thuật, mô hình tiên tiến để phục vụ công tác đầu tư hiệu quả, chuyên nghiệp. Các định hướng và mục tiêu đầu tư luôn được giám sát chặt chẽ bởi Hội đồng Đầu tư, gồm các thành viên của các vị trí lãnh đạo cấp cao trong Ban Điều hành công ty VFM và công ty Quản lý Quỹ Dragon Capital (tập đoàn Tài chính Anh Quốc) có kinh nghiệm lâu năm về thị trường tài chính và thị trường vốn trong nước và nước ngoài.

Hiệu quả trong quản trị rủi ro

Trong đầu tư, lợi nhuận luôn đi kèm rủi ro. Do đó, việc gia tăng giá trị tài sản luôn được chúng tôi thực hiện song song với quản trị rủi ro cho nhà đầu tư. Các hoạt động đầu tư được chúng tôi luôn kiểm soát chặt chẽ theo từng quy trình xử lý, một mặt để giảm thiểu rủi ro cho nhà đầu tư và vẫn đảm bảo đúng quy định pháp luật, một mặt không hạn chế tính linh hoạt của quỹ. Ngày nay, mô hình quản trị rủi ro đóng vai trò quan trọng nhất là khi thị trường có nhiều biến động ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của các khoản đầu tư. Mô hình quản trị rủi ro của công ty VFM được hoạt động theo quy trình như sau:

1. Chiến lược đầu tư và kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận.
2. Quy định đầu tư của các quỹ, các danh mục đầu tư.
3. Quy trình Nghiên cứu – Đầu tư – Giao dịch – Kế toán – Công bố thông tin.
4. Quy trình xác định và giải quyết các xung đột lợi ích trong hoạt động đầu tư.
5. Quy chế đạo đức nghề nghiệp.
6. Quy trình kiểm soát nội bộ công ty.





HOẠT ĐỘNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2010

Năm 2010 là năm kỷ niệm 10 năm thành lập thị trường chứng khoán Việt Nam cũng là năm công ty VFM đánh dấu 7 năm một chặng đường hoạt động. Được sự ủng hộ và hỗ trợ tích cực từ phía các cơ quan quản lý như Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM, vai trò của công ty quản lý quỹ như công ty VFM trên thị trường dần được nâng cao và đem lại sự ổn định cho thị trường và nhà đầu tư.

Năm 2010 là năm tất cả các ngành nghề trên hầu hết các lĩnh vực đều chịu sự tác động của cuộc hậu khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Bản thân mỗi doanh nghiệp đều nhạy bén chuẩn bị ứng phó với sự thay đổi này và công ty VFM cũng không là trường hợp ngoại lệ. Trong năm qua, công ty VFM đã đề ra các hoạt động chiến lược mới, tập trung vào sự ổn định, liên kết sức mạnh của các đối tác trong ngành chuẩn bị cho sự tăng trưởng khi thị trường hồi phục. Để tiếp tục tham gia cuộc đua đầy thách thức và cạnh tranh phía trước, ngay từ QII/2010, chúng tôi đã đưa ra chương trình tái cấu trúc để có được cơ cấu nhân sự vững mạnh hơn, linh hoạt hơn trong quản lý và tập trung vào hoạt động cốt lõi của công ty. Chương trình này dự kiến kéo dài trong một năm và đến nay cơ bản bước đầu cho thấy ở sự ổn định về mặt cơ cấu nhân sự và hoạt động cốt lõi đang dần được tập trung đẩy mạnh hơn.

Sau nhiều năm hoạt động dưới hình thức công ty liên doanh, chúng tôi nhận thấy việc thay đổi và phát triển mô hình sở hữu và quản trị sao cho phù hợp với tình hình mới là điều cần thiết. Vì vậy, công ty VFM đã mạnh dạn chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần và tái cơ cấu sở hữu để giúp công ty có thể thu hút thêm nhân tài, hoạt động linh hoạt hơn trong công tác quản trị chiến lược và quản trị điều hành. Việc mở rộng đối tác chiến lược gồm những tổ chức tài chính lớn và có uy tín trên TTCK sẽ mang lại nhiều lợi thế cạnh tranh hơn cho công ty VFM. Năm 2011 sẽ là năm chúng tôi tăng cường liên kết với các đối tác chiến lược, tận dụng nguồn lực tập trung, kinh nghiệm lâu năm, uy tín trên thị trường tài chính trong nước và nước ngoài của công ty Dragon Capital, cùng với sự duy trì đóng góp của Sacombank (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín). Tất cả hội tụ thành sức mạnh tổng lực góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động và cho sự phát triển của công ty VFM trong những năm tiếp theo.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2011 - 2012

Trong giai đoạn 2011 – 2012, sau chương trình tái cấu trúc công ty, chúng tôi tiếp tục thực hiện các mục tiêu chính như sau:

Cơ cấu nguồn nhân lực trọng yếu

Tiếp theo trong chương trình tái cấu trúc, đầu tiên chúng tôi xác định cơ cấu nguồn nhân lực trọng yếu mà ở đó chúng tôi xây dựng những nhân viên chủ chốt cho từng chức năng hoạt động của công ty nhằm tinh gọn bộ máy nhân sự. Nguồn lực chính này sẽ là những hạt giống để phát triển đội ngũ và số lượng nhân sự cần thiết để vận hành, phục vụ cho tất cả các mảng hoạt động của công ty.

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực

Để gìn giữ và phát huy thành quả mà công ty VFM đã xây dựng trong thời gian qua, ngay từ khi mới hoạt động, công ty đã đề cao và chú trọng phát triển đội ngũ nhân sự có năng lực và chuyên môn cao phục vụ cho hoạt động chung của công ty và riêng cho mảng hoạt động đầu tư. Từ đó, công ty VFM không ngừng tập trung tìm kiếm những nhân sự xuất sắc, mặt khác đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao kiến thức chuyên môn và hoạch định cụ thể cơ hội phát triển nghề nghiệp cho từng cá nhân trong tương lai, đồng thời tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực nội tại sẽ giúp cho sự phát triển chung và tạo cho công ty VFM có lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Đầu tư nghiên cứu các sản phẩm chuyên biệt

Cung cấp các sản phẩm quý đa dạng chính là chìa khóa cho sự phát triển bền vững của công ty VFM. Do đó, với nguồn lực ổn định và sự hậu thuẫn vững mạnh về bề dày hoạt động và kinh nghiệm thị trường của công ty Dragon Capital, trong hai năm tới, công ty VFM sẽ tập trung nghiên cứu các sản phẩm quý và dịch vụ quản lý danh mục đầu tư đa dạng phục vụ cho nhu cầu đầu tư khác nhau của từng cá nhân và tổ chức. Trước mắt, chúng tôi hướng tới mục tiêu cho ra đời sản phẩm quý mở đầu tiên trên thị trường ngay khi thông tư hướng dẫn về cơ chế hoạt động quý mở được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Bộ Tài chính thông qua kế hoạch chấp thuận trong năm 2011.



QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ

Công ty VFM là công ty quản lý Quỹ tiên phong trên thị trường chứng khoán Việt Nam, với cốt lõi hướng đến giá trị lợi nhuận bền vững lâu dài. Ra đời trong thời gian sơ khai của TTCK Việt Nam, những sản phẩm Quỹ đầu tư do công ty VFM quản lý đã thực sự thu hút được sự quan tâm tham gia của rất nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. Hơn thế nữa, các Quỹ do công ty VFM quản lý đã đáp ứng được nhu cầu đầu tư đa dạng của nhiều nhà đầu tư qua những tiêu chí đầu tư khác nhau.



Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1)

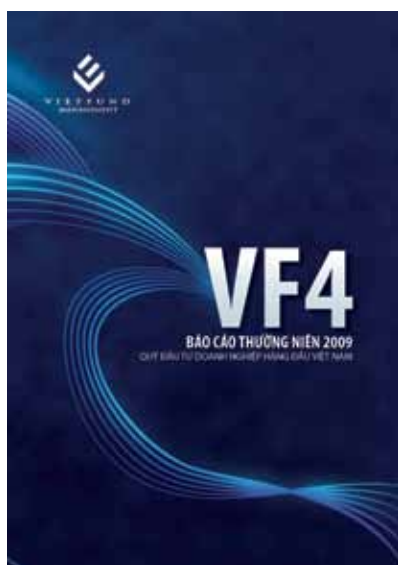
Quỹ cân bằng, với mục tiêu đầu tư đa dạng, cân đối nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa các rủi ro cho nguồn vốn đầu tư của quỹ. Quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM (SGDCK TP.HCM) từ tháng 11/2004 và đến nay đã thu hút hơn 10.000 nhà đầu tư tham gia.



Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (VF2)

Quỹ thành viên thành lập từ các tổ chức tài chính và công ty lớn của Việt Nam và quốc tế từ tháng 12/2006. Mục tiêu của quỹ là tối ưu hóa các cơ hội đầu tư tăng trưởng cao từ quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp tư nhân, các ngành có tiềm năng tăng trưởng, các công cụ tài chính mới. Quỹ được sự tham gia của 15 tổ chức là các định chế lớn trong và ngoài nước.

Công ty VFM hiện là công ty quản lý quỹ duy nhất trên TTCK Việt Nam đang quản lý 3 trong số 5 quỹ đại chúng được niêm yết tại SGDCK TP.HCM. Chúng tôi sẽ tiếp tục không ngừng nghiên cứu, cho ra đời những sản phẩm mới nhằm đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của nhà đầu tư, đồng thời khẳng định tính chuyên nghiệp, vị thế và chiến lược xuyên suốt của công ty VFM.



Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4)

Quỹ “Blue-chips”, với mục tiêu đầu tư vào các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản, chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam. Quỹ được niêm yết tại SGDCK TP.HCM từ tháng 6/2008 và đến nay đã có hơn 4.000 nhà đầu tư tham gia.



Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)

Quỹ năng động đầu tiên sử dụng mô hình Phân tích định lượng (Quant) để thực hiện các chiến lược đầu tư trên thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam. Quỹ được niêm yết tại SGDCK TP.HCM từ tháng 8/2010.

DỊCH VỤ QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ

Là một trong những Công ty Quản lý quỹ đầu tiên trên thị trường Việt Nam cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, với phương châm mang lại lợi ích tối ưu cho khách hàng. Tại công ty VFM, chúng tôi đã thiết kế những sản phẩm dành riêng cho các tổ chức và cá nhân có khối lượng tài sản lớn, với những chiến lược đầu tư chuyên biệt theo yêu cầu thông qua sự trao đổi, tư vấn, phân tích cho từng đối tượng đầu tư. Dịch vụ chuyên biệt này là một trong những dịch vụ được công ty tập trung đẩy mạnh phát triển trong thời gian qua và đã đạt được kết quả bước đầu khá ấn tượng với tổng tài sản quản lý hơn 500 tỷ đồng. Các khách hàng của dịch vụ này là những công ty bảo hiểm, các tổ chức đầu tư tài chính chuyên nghiệp, các doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước và đã được khách hàng đánh giá cao về chất lượng dịch vụ cũng như hiệu quả đầu tư mang lại cho khách hàng.

Chiến lược đầu tư năng động hướng tới việc đem lại lợi nhuận đầu tư tốt hơn lợi nhuận trung bình của thị trường hoặc một mức kỳ vọng được nhà đầu tư xác định trước. Chúng tôi năng động tìm kiếm những cơ hội đầu tư tốt nhất phù hợp với chiến lược đầu tư riêng biệt của từng đối tượng đầu tư,

và lập chiến lược giao dịch tập trung vào các khoản đầu tư. Nhà đầu tư có thể lựa chọn cho mình một danh mục đầu tư phù hợp với mục tiêu lợi nhuận kỳ vọng tương ứng với mức chấp nhận rủi ro trong số danh mục đầu tư tiêu chuẩn được đặt ra trước. Bên cạnh đó, tài sản của nhà đầu tư được đội ngũ cao cấp của chúng tôi quản lý một cách nghiệp nghiệp, cẩn trọng, bảo mật và minh bạch. Hoạt động của danh mục nhà đầu tư được cập nhật định kỳ và thường xuyên có buổi trao đổi trực tiếp với các chuyên gia của Công ty VFM.

Chúng tôi đánh giá rất cao về tiềm năng phát triển của sản phẩm dịch vụ quản lý danh mục đầu tư trong thời gian tới khi thị trường chứng khoán dần đi vào ổn định. Việc đầu tư không những đòi hỏi phải am hiểu thị trường, có kiến thức vững chắc mà còn cần đầu tư nhiều thời gian mới có thể đạt được những kết quả mong muốn. Vì vậy, chúng tôi luôn tự tin rằng với đội ngũ chuyên nghiệp, lãnh đạo tâm huyết giàu kinh nghiệm, lòng đam mê và tận tụy cao cùng với hệ thống quản trị doanh nghiệp hiện đại, chúng tôi sẽ giúp các nhà đầu tư hoạch định ra những giải pháp hữu hiệu nhằm quản lý tài sản của quý vị một cách hiệu quả nhất.



TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

Trong hơn 7 năm kể từ khi bắt đầu đặt nền tảng đầu tiên trên TTCK Việt Nam cho đến nay, công ty VFM đã nghiên cứu và giới thiệu với nhà đầu tư 4 sản phẩm quỹ (VF1, VF2, VF4 và VFA) với mục tiêu, chiến lược và phương pháp đầu tư đa dạng, nhằm nắm bắt các xu hướng và cơ hội đầu tư tiềm năng của từng giai đoạn phát triển của thị trường và cùng nhiều loại sản phẩm quản lý danh mục đầu tư chuyên biệt đáp ứng nhu cầu đa dạng và khắt khe hơn của nhà đầu tư.

Công ty VFM đang và sẽ tiếp tục cho ra đời nhiều sản phẩm ưu việt khác áp dụng các mô hình hoạt động mới, mô hình đầu tư tiên tiến nhằm đa dạng và tối ưu hóa nguồn vốn của nhà đầu tư. TTCK Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển mới để hòa nhập vào thị trường tài chính quốc tế khi các sản phẩm quỹ đóng sẽ dần được thay thế và chuyển hoá bằng các sản phẩm quỹ mở, linh hoạt và tiện ích hơn cho nhà đầu tư. Công ty VFM đã chuẩn bị sẵn sàng là một trong những đơn vị đầu tiên giới thiệu sản phẩm quỹ mở, chuyên biệt và đa dạng hoá những mô hình đầu tư với các kỹ thuật tiên tiến trên thế giới (như Quỹ trao đổi thị trường (ETF), công cụ phái sinh, Quỹ tín thác Bất động sản (REITS), v.v...) đang được xem là hướng đi mới cho nhà đầu tư trong giai đoạn 2011-2015, khi điều kiện pháp lý cho phép.



Đồng thời, để cùng bước với các doanh nghiệp trong việc giữ chân nhân tài, Quỹ đầu tư hỗ trợ nhân sự Việt Nam sẽ được công ty VFM thiết kế chuyên biệt với mục tiêu hỗ trợ chăm lo cho tương lai nguồn nhân lực. Chúng tôi cung cấp một sản phẩm kết hợp khả năng thanh khoản vốn và thu nhập trong tương lai nhằm bảo vệ người lao động khỏi sự sụt giảm phúc lợi xã hội và mang lại khả năng có được mức thu nhập đảm bảo cuộc sống trong những năm hưu trí sau này.

Thế mạnh của công ty VFM chính là có được đội ngũ chuyên viên chuyên nghiệp, nhiều năm kinh nghiệm trên thị trường tài chính, có đạo đức và minh bạch. Là thành viên thuộc công ty Dragon Capital, chúng tôi nhận được hỗ trợ rất lớn từ kỹ thuật và kinh nghiệm của các chuyên gia hàng đầu của Dragon Capital, sự cộng tác chặt chẽ với thành viên trong tập đoàn là Công ty chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HSC), một công ty chứng khoán hàng đầu hiện nay, với những sản phẩm nghiên cứu có chất lượng và những cơ hội đầu tư tốt. Quan trọng hơn hết chính là chúng tôi đã xây dựng một quy trình đầu tư và giám sát nghiêm ngặt nhằm đảm bảo cho các khoản đầu tư tuân thủ đúng các chiến lược đầu tư đề ra, kiểm soát rủi ro và tránh những xung đột về mặt lợi ích giữa các tài sản quản lý và các thành viên trong Tập đoàn.

Công ty VFM luôn nỗ lực không ngừng nghiên cứu và phát triển để tạo ra những sản phẩm đa dạng cho nhà đầu tư với mục tiêu vì lợi ích nhà đầu tư và khẳng định là một trong những công ty quản lý quỹ hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

CÁC SỰ KIỆN VÀ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI TRONG NĂM 2010

CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU TRONG NĂM

Năm 2010 là năm diễn ra nhiều sự kiện đặc biệt trong đó nổi bật là sự kiện kỷ niệm 10 năm thành lập TTCK Việt Nam. Đi cùng với sự phát triển của thị trường, công ty VFM là một trong những thành viên có hoạt động tích cực đóng góp cho TTCK trong thời gian qua như cung cấp sản phẩm đa dạng cho thị trường và nhà đầu tư, có hoạt động đầu tư minh bạch và công khai... Những yếu tố đó đúc kết tạo thành vị thế hàng đầu của công ty VFM trên TTCK Việt Nam ngày hôm nay.



Ông Trần Thanh Tân vinh dự đón nhận bằng khen cho những đóng góp tích cực trên TTCK năm 2010 do Ông Vũ Bằng - Chủ tịch UBCKNN - trao tặng.



Ông Trần Lê Minh - Phó Tổng Giám đốc công ty VFM nhận kỷ niệm chương tôn vinh các doanh nghiệp tiêu biểu trong bảng xếp hạng V1000.



Ông Trần Lê Minh – Phó Tổng Giám đốc công ty VFM nhận giải thưởng thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2010 của UBCKNN.



Bảng hiệu công ty VFM đặt tại trung tâm thành phố Hồ Chí Minh.

CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Trong năm qua, Ban Từ Thiện bao gồm các nhân viên công ty VFM tình nguyện bỏ công góp sức tiếp nối thực hiện tham gia các hoạt động xã hội trong năm. Sau đây là các hoạt động tiêu biểu:

Chương trình từ thiện hướng về Miền Trung

Tháng 11 vừa qua, công ty VFM - một trong những đại diện của các đơn vị tài trợ trong chương trình “**Nhịp cầu nhân ái nối vạn tấm lòng đến với Hương Khê**” đã trực tiếp đến trao tặng từng phần quà cho bà con vùng lũ Hương Khê – Hà Tĩnh, là nơi nằm trong vùng rốn lũ bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Qua những chuyến xe đầy ắp nghĩa tình mang theo những tấm lòng nhân ái của người dân thành phố, chúng tôi đã đến các huyện, xã gồm Lộc Yên, Hương Đô và Phúc Đồng và 2 trường tiểu học Hương Lộc và Long Giang. Do đã liên hệ trước với từng địa bàn, nên công tác tổ chức bình bầu, phát phiếu và huy động bà con, huy động lực lượng dân quân bảo vệ ... đều được các xã tổ chức chu đáo. Tổng cộng có 600 suất quà đã được trao đầy đủ, tận tay cho 600 hộ gia đình của 3 xã nói trên. Bình quân mỗi suất quà trị giá hơn 280.000 đồng, bao gồm tiền mặt, gạo, xà phòng, áo quần, chăn ấm.



Chương trình được các xã phối hợp tổ chức chu đáo...



...và 600 suất quà được trao đầy đủ, tận tay đến bà con xã Lộc Yên,...

Đến hai trường tiểu học, mặc dù là ngày Thứ Bảy, học sinh nghỉ học. Cảm động thay khi biết rằng các em vẫn túc trực, không dám về, và nhân bố mẹ mang cơm đến ăn hoặc gặm mì tôm qua bữa để chờ nhận món quà nghĩa tình. Điều đó như thôi thúc các thành viên trong đoàn, quên hết mệt mỏi, quên cả cái đói, thoãn thoắt chuyển hàng, đóng gói. Gần 250 suất quà (hơn 200.000đ/suất) cho học sinh đã sẵn sàng. Những ánh mắt trẻ thơ rạng ngời hẳn lên khi lần đầu tiên có được một bộ quần áo mới, đôi dép mới.



...và nỗi vui sướng ngập tràn trong từng ánh mắt trẻ.

Chương trình chạy bộ từ thiện Terry Fox Run

Tiếp tục hưởng ứng chương trình chạy bộ hàng năm Terry Fox Run do lãnh sự quán Canada tổ chức, vào đầu tháng 11/2010 vừa qua, toàn thể nhân viên công ty VFM và gia đình đã nhiệt tình tham gia để quyên góp cho Quỹ nghiên cứu bệnh ung thư. Đây là năm thứ 4 liên tiếp công ty VFM tham gia sự kiện này, sự kiện được xem như là dịp để mọi người không chỉ đóng góp vào việc từ thiện mà còn là dịp để rèn luyện thể chất lành mạnh cùng với tất cả thành viên trong gia đình, nhân viên trong công ty với nhau.



Nhịp cầu yêu thương

Ngày 25/1/2010, trong không khí chuẩn bị đón xuân mới, UBND xã Tân Bình tỉnh Đồng Tháp đã tổ chức khánh thành hai cây cầu bê tông kang trang mang tên cầu Tám Để và cầu Chính Nhánh, xóa bỏ dần những cây cầu khỉ nguy hiểm ở vùng nông thôn. Kinh phí này được trích từ quỹ từ thiện do cán bộ công nhân viên công ty VFM và một số mạnh thường quân đóng góp. Hai cây cầu đã được hoàn thành sau hơn một năm xây dựng. Với chiếc cầu mới này, chúng tôi mong muốn từ nay hai bên bờ sẽ được nối nhịp, người dân trong xã được qua lại thuận tiện hơn và nhanh chóng hơn, đặc biệt là các em thơ sẽ đến trường an toàn hơn trong những mùa mưa bão.



Nuôi dưỡng mầm non Bé Thơ

Trong những ngày bận rộn cuối năm Canh Dần, cùng chung tay góp sức cùng với các ma-sơ chăm sóc các trẻ em khuyết tật, mồ côi kém may mắn ở mọi độ tuổi tại Trung tâm Khuyết tật Bé Thơ, thuộc khu công nghiệp Amatar, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Nhân viên công ty VFM đã đến thăm hỏi và gửi những phần quà thiết thực đến cho các em nhân dịp xuân về. Hy vọng rằng những tấm lòng hảo tâm này sẽ giúp các em đón một cái Tết vui vẻ và cầu mong các em luôn được che chở và sống yên bình trong tình yêu thương ấm áp của các ma-sơ.



Hoạt động chăm sóc nhà đầu tư

Hoạt động chăm sóc nhà đầu tư (IR) luôn là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của công ty VFM trong việc xây dựng chiến lược hoạt động và phát triển lâu dài, giúp tăng cường niềm tin của các nhà đầu tư đối với các quỹ do công ty VFM quản lý.

Hoạt động báo cáo - công bố thông tin về tình hình hoạt động quỹ

Công ty VFM đã định kỳ thực hiện công bố các tin tức, thông cáo báo chí cũng như các báo cáo về kết quả hoạt động đầu tư các quỹ và gửi đến nhà đầu tư thông qua hình thức gửi thư điện tử (email), trang web công ty (website) và thông qua các công ty chứng khoán.

| STT | Tên báo cáo | Thời gian báo cáo | Hình thức báo cáo |
|-----|-----------------------------|---|---|
| 1 | Báo cáo NAV tuần | Thứ Hai hàng tuần | |
| 2 | Báo cáo NAV tháng | 5 ngày làm việc của tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc tháng | Gửi thư điện tử, đăng trên trang web |
| 3 | Điểm tin tháng | | |
| 4 | Bản tin Quý | 30 ngày làm việc của tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc quý | Gửi thư điện tử, đăng trên trang web, gửi thư bằng đường bưu điện |
| 5 | Báo cáo tài chính kiểm toán | Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính | Đăng trên trang web |
| 6 | Báo cáo thường niên | 10-15 ngày làm việc trước ngày họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên | Gửi thư điện tử, đăng trên trang web, gửi thư bằng đường bưu điện |

Nếu nhà đầu tư chưa nhận được báo cáo, vui lòng:

- Truy cập trang web tại Mục Quan hệ nhà đầu tư
- Đăng ký nhận báo cáo thông qua website tại mục “Nhận bản tin của chúng tôi”
- Gửi email về địa chỉ ir@vinafund.com với các nội dung sau:

| | | |
|-----------------------|---|--------------------------|
| Họ và tên: | Điện thoại: | <input type="checkbox"/> |
| Địa chỉ liên hệ: | Email: | |
| Đăng ký nhận báo cáo: | Theo địa chỉ bưu điện: <input type="checkbox"/> | Theo địa chỉ email: |

Cũng thông qua website với trang Quan hệ nhà đầu tư, địa chỉ email ir@vinafund.com, và đường dây nóng (08) – 3825 1480, công ty VFM đã kịp thời giải đáp những thắc mắc, cũng như tiếp nhận và phúc đáp những câu hỏi của nhà đầu tư về các chỉ tiêu tài chính, kết quả hoạt động, các thông tin liên quan đến chứng chỉ quỹ, cổ tức... Những chia sẻ góp ý từ các nhà đầu tư góp phần quan trọng giúp công ty VFM tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ, góp phần giải đáp thông tin và minh bạch hóa các thông tin của quỹ, đồng thời giúp hỗ trợ quyết định của các nhà đầu tư tiềm năng.

Hoạt động & sự kiện

Ngày 23/03/2010, 25/03/2010 và 30/03/2010, công ty VFM lần lượt tổ chức Đại hội Nhà đầu tư Thường niên năm 2009 của Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4), Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1) và Quỹ đầu tư Tăng Trưởng Việt Nam (VF2). Đại hội đã tập hợp đông đảo các nhà đầu tư tham gia, góp ý kiến cũng như chia sẻ thông tin liên quan đến tình hình hoạt động các quỹ và thị trường chứng khoán.



Đại hội Nhà đầu tư thường niên Quỹ đầu tư VF1 năm 2009



Đại hội Nhà đầu tư thường niên Quỹ đầu tư VF4 năm 2009

Ngày 15/04/2010, Đại hội Thành lập Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA) lần đầu tiên được tổ chức, đánh dấu sự ra đời của quỹ công chúng dạng đóng thứ 3 do công ty VFM quản lý. Đây là quỹ công chúng sử dụng hình thức mô hình đầu tư phân tích định lượng đầu tiên tại Việt Nam nhằm nắm bắt các cơ hội đầu tư khi thị trường phục hồi sau giai đoạn khủng hoảng. Vào ngày 09/08/2010, Quỹ đầu tư VFA bắt đầu chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE).



Đại hội Thành lập Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)



Lễ niêm yết Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)

HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC NHÀ ĐẦU TƯ

Chi trả cổ tức Quỹ đầu tư VF1 và VF4

- Thanh toán cổ tức đợt 2/2009 và tạm ứng cổ tức đợt 1/2010 bằng tiền mặt cho nhà đầu tư Quỹ đầu tư VF1 theo tỷ lệ 15% mệnh giá vào ngày 12/05/2010 (theo danh sách nhà đầu tư chốt vào ngày 20/04/2010).
- Thanh toán cổ tức đợt 2/2009 và tạm ứng cổ tức đợt 1/2010 bằng tiền mặt cho nhà đầu tư Quỹ đầu tư VF4 theo tỷ lệ 10% mệnh giá vào ngày 12/05/2010 (theo danh sách nhà đầu tư chốt vào ngày 20/04/2010).

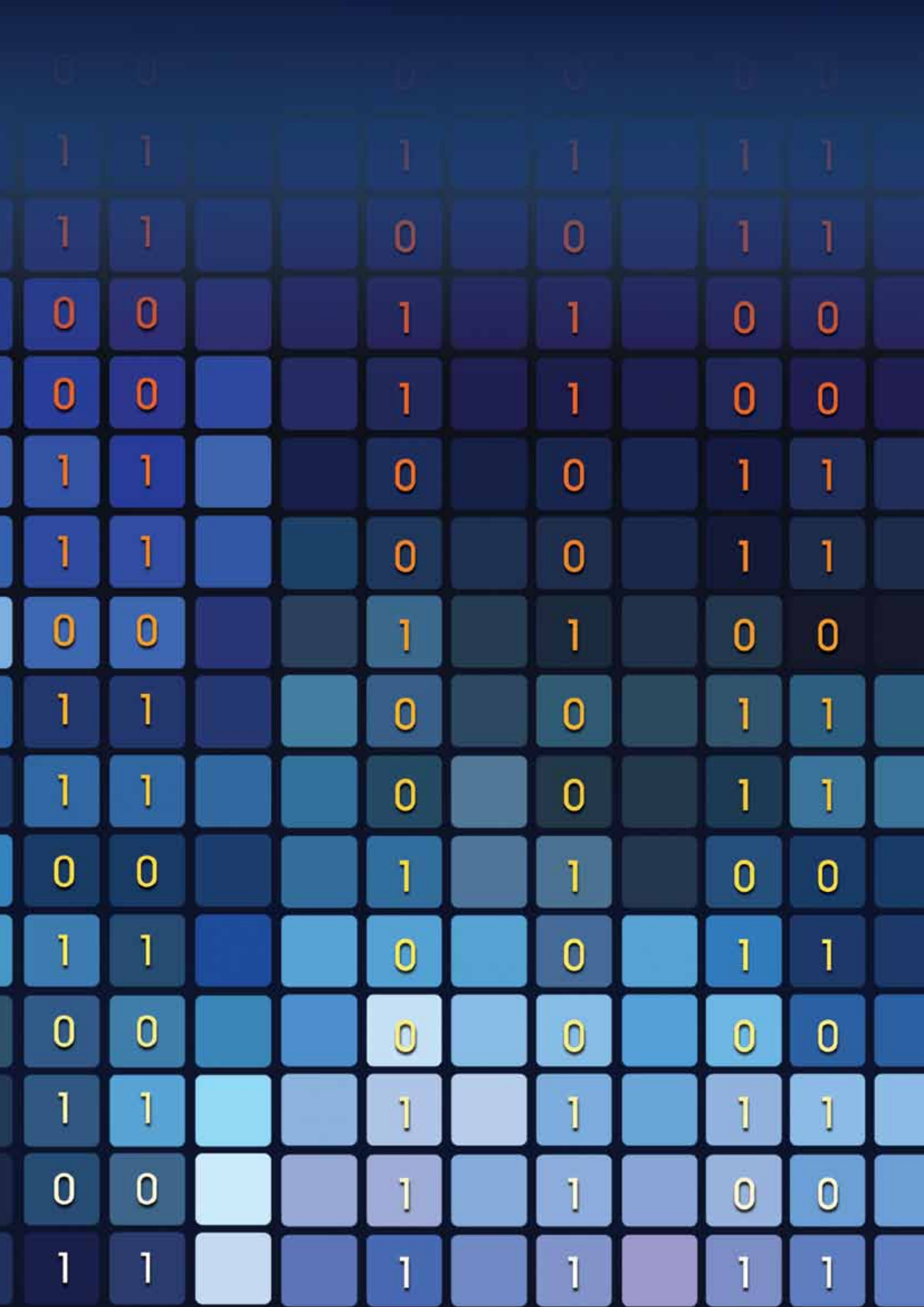
Kế hoạch chăm sóc Nhà đầu tư năm 2011

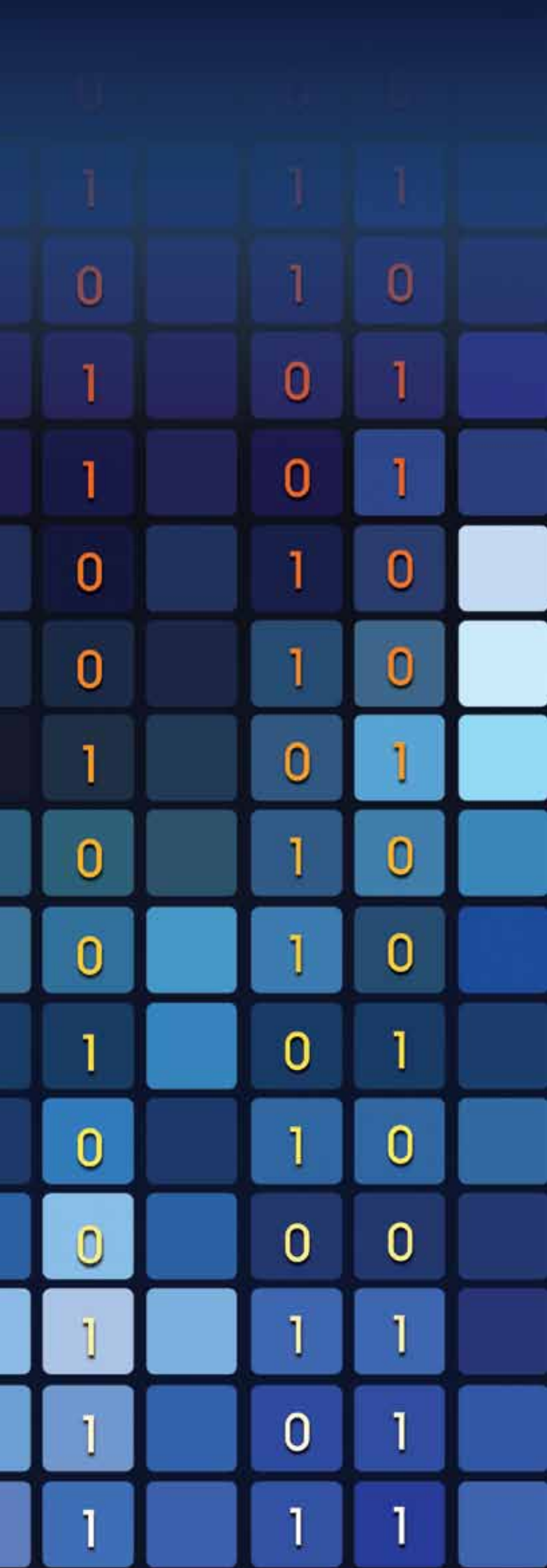
Năm 2011, Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư tiếp tục được tăng cường nhân sự và thực hiện các mục tiêu:

- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng chương trình Quản trị quan hệ nhà đầu tư.
- Định kỳ cung cấp thông tin cập nhật về kết quả hoạt động của các quỹ đến nhà đầu tư.
- Phối hợp với các công ty chứng khoán tăng cường tổ chức các buổi gặp gỡ, hội thảo nhằm tạo cầu nối trao đổi thông tin hai chiều, liên tục giữa công ty VFM và nhà đầu tư các quỹ. Công tác này nhằm giải quyết các ảnh hưởng không tốt đến giá giao dịch của các chứng chỉ quỹ như: thông tin không đầy đủ, thông tin không rõ ràng và thông tin đến sai đối tượng.

Lịch tổ chức Đại hội Nhà đầu tư Thường niên các Quỹ năm 2010:

| THÁNG 3 - 2011 | | | | |
|--|---|------------|---|------------|
| | 01/03/2010 | 02/03/2010 | 03/03/2010 | 04/03/2010 |
| | | | Công ty VFM gửi thư mời tham dự đại hội và Báo cáo thường niên đến Nhà đầu tư | |
| 07/03/2010 | 08/03/2010 | 09/03/2010 | 10/03/2010 | 11/03/2010 |
| Nhà đầu tư thực hiện việc xác nhận đăng ký tham dự Đại hội Nhà đầu tư 2010 bằng cách gọi điện về số 08 – 3825 1488 hoặc ủy quyền trong trường hợp vắng mặt bằng cách gửi fax về số 08 – 3825 1489. | | | | |
| 14/3/2010 | 15/3/2010 | 16/3/2010 | 17/3/2010 | 18/3/2010 |
| Nhà đầu tư thực hiện việc xác nhận đăng ký tham dự Đại hội Nhà đầu tư 2010 bằng cách gọi điện về số 08 – 3825 1488 hoặc ủy quyền trong trường hợp vắng mặt bằng cách gửi fax về số 08 – 3825 1489. | | | | |
| 21/03/2011 | 22/03/2011 | 23/03/2011 | 24/03/2011 | 25/03/2011 |
| | Quỹ đầu tư VF1 Đại hội Nhà đầu tư 2010 Phòng Hoa Sen, Lầu 1, Khách sạn Rex, 141 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM | | Quỹ đầu tư VF4 Đại hội Nhà đầu tư 2010 Phòng Hoa Sen, Lầu 1, Khách sạn Rex, 141 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM | |
| 28/03/2011 | 29/03/2011 | 30/03/2011 | 31/03/2011 | |
| | Quỹ đầu tư VFA Đại hội Nhà đầu tư 2010 Ballroom A, Tầng trệt, Khách sạn Sofitel, 17 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. HCM | | Quỹ đầu tư VF2 Đại hội Nhà đầu tư 2010 Ballroom B, Tầng trệt, Khách sạn Sofitel, 17 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. HCM | |





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

| NỘI DUNG | TRANG |
|---|--------------|
| Thông tin chung về Quỹ | 41 |
| Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ | 42 |
| Báo cáo của kiểm toán viên | 43 |
| Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - QĐT) | 45 |
| Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B 02 - QĐT) | 47 |
| Báo cáo tài sản (Mẫu số B 05 - QĐT) | 49 |
| Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (Mẫu số B 06 - QĐT) | 50 |
| Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B 07 - QĐT) | 51 |
| Thuyết minh các báo cáo tài chính (Mẫu số B 04 - QĐT) | 54 |

**Giấy phép phát hành
chứng chỉ Quỹ ra công chúng**

Số 05/UBCK-GCN cấp ngày 28 tháng 12 năm 2009

Giấy phép niêm yết chứng chỉ Quỹ

Số 142/QĐ-SDGHCM cấp ngày 9 tháng 7 năm 2010

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập

Số 14/UBCK-GCN cấp ngày 2 tháng 4 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 5 năm.

Ban đại diện Quỹ

Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2010

Ông Thái Tấn Dũng

Chủ tịch

Ông Phan Ngọc Diệp

Thành viên

Ông Nguyễn Trường Giang

Thành viên

Ông Nguyễn Mạnh Hải

Thành viên

Ông Bùi Nguyên Quỳnh

Thành viên

Ông Vũ Trung Thành

Thành viên

Ông Lê Anh Tuấn

Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ngân hàng giám sát

Ngân hàng Far East National Bank – CN TP HCM

Trụ sở đăng ký

Lầu 10, Central Plaza số 17 Lê Duẩn, Q1, TPHCM

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán để các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 4 năm 2010 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng sự tiếp tục hoạt động của Quỹ là không còn phù hợp.


Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Quỹ với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các sai phạm qui định khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 4 năm 2010 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 45 đến trang 65. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Năng Động Việt Nam (“Quỹ”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 4 năm 2010 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC và Quyết định 45/2007/QĐ- BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Thái Tấn Dũng

Chủ tịch

Ngày 15 tháng 2 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Năng Động Việt Nam (“Quỹ”) được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt ngày 15 tháng 2 năm 2011. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 4 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 55 đến trang 65.

Trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty quản lý Quỹ đối với các báo cáo tài chính

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

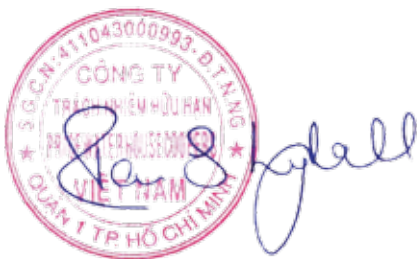
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 4 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ- BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán.



Ian S. Lydall
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM 2660
Ngày 15 tháng 2 năm 2011



Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MẪU SỐ B 01 - QĐT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | 2010 VNĐ |
|------------|---|-------------|------------------------|
| A. | TÀI SẢN | | |
| 110 | 1. Tiền gửi ngân hàng | 3.1 | 27.902.428.673 |
| 120 | 2. Đầu tư chứng khoán | 3.2 | 188.386.801.700 |
| 130 | 3. Phải thu hoạt động đầu tư | 3.3 | 8.405.000.000 |
| 131 | 4. Phải thu khác | 3.4 | 1.555.956.257 |
| 200 | TỔNG TÀI SẢN | | 226.250.186.630 |
| B. | NGUỒN VỐN | | |
| 300 | I. NỢ PHẢI TRẢ | | 4.823.090.861 |
| 311 | 1. Phải trả hoạt động đầu tư | 3.5 | 3.968.322.617 |
| 314 | 2. Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ | | 29.041.667 |
| 315 | 3. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát | 3.6 | 377.067.077 |
| 318 | 4. Phải trả khác | 3.7 | 448.659.500 |
| 400 | II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 221.427.095.769 |
| 410 | 1. Vốn góp của các nhà đầu tư | 3.8 | 240.437.600.000 |
| 420 | 2. Kết quả hoạt động chưa phân phối | 3.9 | (19.010.504.231) |
| 430 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 226.250.186.630 |

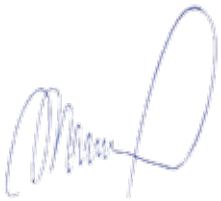
Các thuyết minh từ trang 55 đến trang 65 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MẪU SỐ B 01 - QĐT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

| Chỉ tiêu | Thuyết minh | 2010 VNĐ |
|---------------------------|-------------|----------------|
| Chứng khoán theo mệnh giá | | 50.125.590.000 |



Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Võ Thị Kim Phượng
Phó Giám đốc Quản lý Dịch vụ Khách hàng



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính



Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Jeffrey Liu
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 55 đến trang 65 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

MẪU SỐ B 02 - QĐT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | 2010 VNĐ |
|-----------|---|-------------|------------------------|
| A. | XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN | | |
| 10 | I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư | | 4.415.869 |
| 11 | 1. Cổ tức được nhận | | 3.550.245.500 |
| 12 | 2. Lãi trái phiếu được nhận | | 349.634.189 |
| 13 | 3. Lãi tiền gửi | | 6.737.161.697 |
| 14 | 4. Lỗ bán chứng khoán | | (11.332.533.117) |
| 18 | 5. Thu nhập khác | | 699.907.600 |
| 30 | II. Chi phí | | 4.977.455.944 |
| 31 | 1. Phí quản lý Quỹ | 3.11 (i) | 3.352.066.711 |
| 32 | 2. Phí lưu ký, giám sát Quỹ | 3.11 (ii) | 67.041.335 |
| 33 | 3. Phí hội họp, đại hội | | 460.468.507 |
| 34 | 4. Chi phí kiểm toán | | 150.111.500 |
| 38 | 5. Phí và chi phí khác | 3.10 | 947.767.891 |
| 50 | III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện | | (4.973.040.075) |

Các thuyết minh từ trang 55 đến trang 65 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

MẪU SỐ B 02 - QĐT

**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 (tiếp theo)**

| Mã số | Chi tiêu | Thuyết minh | 2010 VNĐ |
|-----------|---|-------------|-------------------------|
| B. | XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN | | |
| 60 | I. Thu nhập | | 3.885.891.975 |
| 61 | 1. Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư | | 3.885.891.975 |
| 70 | II. Chi phí | | 17.923.356.131 |
| 71 | 1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư | | 17.923.356.131 |
| 80 | III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện | | (14.037.464.156) |
| 90 | Lỗ trong kỳ | | (19.010.504.231) |

Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Võ Thị Kim Phượng
Phó Giám đốc Quản lý Dịch vụ Khách hàng

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính



Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Jeffrey Liu
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 55 đến trang 65 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÀI SẢN

MẪU SỐ B 05 - QĐT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

| Mã số | Chỉ tiêu | 2010 VNĐ |
|-------|--------------------------------|------------------------|
| 1 | Tiền | 27.902.428.673 |
| 2 | Các khoản đầu tư | 188.386.801.700 |
| 2.1 | Trái phiếu | 503.000.000 |
| 2.2 | Cổ phiếu | 187.620.857.500 |
| 2.2.1 | Cổ phiếu niêm yết | 187.620.857.500 |
| 2.3 | Quyền mua cổ phiếu niêm yết | 262.944.200 |
| 3 | Cổ tức được nhận | 919.671.000 |
| 4 | Lãi được nhận | 111.285.257 |
| 5 | Phải thu bán chứng khoán | 8.405.000.000 |
| 6 | Phải thu khác | 525.000.000 |
| | Tổng tài sản | 226.250.186.630 |
| 7 | Phải trả giao dịch chứng khoán | 3.968.322.617 |
| 8 | Phải trả khác | 854.768.244 |
| | Tổng nợ | 4.823.090.861 |
| | Tài sản ròng của Quý | 221.427.095.769 |
| 9 | Tổng số đơn vị quỹ | 24.043.760 |
| 10 | Giá trị của một đơn vị quỹ | 9.209 |

Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Võ Thị Kim Phượng
Phó Giám đốc Quản lý Dịch vụ Khách hàng



Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Jeffrey Liu
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 55 đến trang 65 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

MẪU SỐ B 06 - QĐT

**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 (tiếp theo)**

| Mã số | Chỉ tiêu | 2010 VNĐ |
|-------|--|------------------|
| I | Giá trị tài sản ròng đầu kỳ | - |
| II | Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ | |
| | <i>Trong đó:</i> | |
| 1 | Giá trị vốn góp trong kỳ | 240.437.600.000 |
| 2 | Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ | (19.010.504.231) |
| III | Giá trị tài sản ròng cuối kỳ | 221.427.095.769 |

Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Võ Thị Kim Phượng
Phó Giám đốc Quản lý Dịch vụ Khách hàng



Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Jeffrey Liu
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 55 đến trang 65 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

MẪU SỐ B 07 - QĐT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

| Stt | Chỉ tiêu | Số lượng | Giá thị trường tại ngày 31.12.2010 VNĐ | Tổng giá trị VNĐ | Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ % |
|----------|--------------------------|----------|---|------------------------|---|
| I | Cổ phiếu niêm yết | | | 187.620.857.500 | 82,93 |
| 1 | BCI | 199.710 | 31.300 | 6.250.923.000 | 2,76 |
| 2 | BVH | 165.338 | 64.500 | 10.664.301.000 | 4,71 |
| 3 | CTD | 19.110 | 70.000 | 1.337.700.000 | 0,59 |
| 4 | DBC | 103.300 | 24.400 | 2.520.520.000 | 1,11 |
| 5 | DIG | 17.000 | 41.000 | 697.000.000 | 0,31 |
| 6 | DPM | 160.000 | 38.000 | 6.080.000.000 | 2,69 |
| 7 | DRC | 121.180 | 40.000 | 4.847.200.000 | 2,14 |
| 8 | EIB | 224.570 | 15.500 | 3.480.835.000 | 1,54 |
| 9 | FPT | 64.913 | 64.500 | 4.186.888.500 | 1,85 |
| 10 | GMD | 10.500 | 33.200 | 348.600.000 | 0,16 |
| 11 | HAG | 100.120 | 81.000 | 8.109.720.000 | 3,59 |
| 12 | HBC | 139.710 | 42.000 | 5.867.820.000 | 2,60 |
| 13 | HDG | 115.980 | 75.000 | 8.698.500.000 | 3,85 |
| 14 | HPG | 78.200 | 38.700 | 3.026.340.000 | 1,34 |
| 15 | ITA | 38.610 | 16.600 | 640.926.000 | 0,28 |
| 16 | KBC | 35.540 | 34.000 | 1.208.360.000 | 0,53 |
| 17 | KDC | 25.915 | 51.500 | 1.334.622.500 | 0,59 |
| 18 | KLS | 210.000 | 16.200 | 3.402.000.000 | 1,50 |
| 19 | KSB | 111.730 | 62.000 | 6.927.260.000 | 3,06 |
| 20 | LCG | 24.800 | 34.300 | 850.640.000 | 0,38 |
| 21 | LSS | 120.540 | 35.500 | 4.279.170.000 | 1,89 |
| 22 | MSN | 123.790 | 75.000 | 9.284.250.000 | 4,10 |
| 23 | NTL | 153.170 | 64.000 | 9.802.880.000 | 4,33 |
| 24 | NTP | 44.700 | 98.000 | 4.380.600.000 | 1,94 |
| 25 | OGC | 63.100 | 24.500 | 1.545.950.000 | 0,68 |
| 26 | PET | 186.920 | 17.200 | 3.215.024.000 | 1,42 |
| 27 | PGD | 750 | 36.000 | 27.000.000 | 0,01 |
| 28 | PLC | 24.061 | 37.000 | 890.257.000 | 0,39 |
| 29 | POM | 49.300 | 28.600 | 1.409.980.000 | 0,62 |
| 30 | PVD | 70.470 | 53.000 | 3.734.910.000 | 1,65 |
| 31 | PVX | 179.001 | 22.000 | 3.938.022.000 | 1,74 |
| 32 | PXS | 147.720 | 14.200 | 2.097.624.000 | 0,93 |
| 33 | REE | 67.260 | 17.700 | 1.190.502.000 | 0,53 |
| 34 | S96 | 256.800 | 32.200 | 8.268.960.000 | 3,66 |
| 35 | SD5 | 97.300 | 44.500 | 4.329.850.000 | 1,91 |

Các thuyết minh từ trang 55 đến trang 65 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

MẪU SỐ B 07 - QĐT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 (tiếp theo)

| Stt | Chỉ tiêu | Số lượng | Giá thị trường | Tổng giá trị | Tỷ lệ%/Tổng |
|------------|--------------------------------------|----------|-------------------------------|----------------------|---|
| | | | tại ngày 31.12.2010 VNĐ | | giá trị tài sản hiện tại của Quỹ % |
| I | Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo) | | | | |
| 36 | SJS | 27.600 | 61.500 | 1.697.400.000 | 0,75 |
| 37 | SSI | 18.000 | 32.000 | 576.000.000 | 0,26 |
| 38 | TCM | 4.356 | 23.500 | 102.366.000 | 0,05 |
| 39 | TTF | 226.325 | 17.500 | 3.960.687.500 | 1,75 |
| 40 | VC2 | 18.000 | 43.000 | 774.000.000 | 0,34 |
| 41 | VCB | 110.000 | 32.500 | 3.575.000.000 | 1,58 |
| 42 | VCS | 7.000 | 33.100 | 231.700.000 | 0,10 |
| 43 | VIC | 24.950 | 97.500 | 2.432.625.000 | 1,08 |
| 44 | VMC | 125.300 | 54.500 | 6.828.850.000 | 3,02 |
| 45 | VNA | 139.800 | 15.100 | 2.110.980.000 | 0,93 |
| 46 | VNF | 153.900 | 40.000 | 6.156.000.000 | 2,72 |
| 47 | VNM | 102.600 | 86.000 | 8.823.600.000 | 3,90 |
| 48 | VNS | 97.300 | 30.300 | 2.948.190.000 | 1,30 |
| 49 | VPL | 45.220 | 42.200 | 1.908.284.000 | 0,84 |
| 50 | XMC | 310.800 | 21.300 | 6.620.040.000 | 2,93 |
| II | Trái phiếu | | | 503.000.000 | 0,22 |
| 1 | Trái phiếu chuyển đổi REE | 503 | 1.000.000 | 503.000.000 | 0,22 |
| III | Quyền mua cổ phiếu niêm yết | | | 262.944.200 | 0,12 |
| 1 | Quyền mua cổ phiếu DBC | 35.533 | 7.400 | 262.944.200 | 0,12 |
| IV | Các tài sản khác | | | 9.960.956.257 | 4,40 |
| 1 | Cổ tức được nhận | | | 919.671.000 | 0,41 |
| 2 | Phải thu trái tức | | | 16.757.479 | 0,01 |
| 3 | Phải thu lãi tiền gửi | | | 94.527.778 | 0,04 |
| 4 | Phải thu bán chứng khoán | | | 8.405.000.000 | 3,71 |
| 5 | Phải thu khác | | | 525.000.000 | 0,23 |

Các thuyết minh từ trang 55 đến trang 65 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

MẪU SỐ B 07 - QĐT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 (tiếp theo)

| Stt | Chỉ tiêu | Số lượng | Giá trị trường tại ngày 31.12.2010 VNĐ | Tổng giá trị VNĐ | Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ % |
|-----|-----------------------|----------|---|---------------------|--|
| V | Tiền | | | 27.902.428.673 | 12,33 |
| 1 | Tiền gửi ngân hàng | | | 27.902.428.673 | 12,33 |
| VI | Tổng giá trị danh mục | | | 226.250.186.630 | 100,00 |

Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Võ Thị Kim Phượng
Phó Giám đốc Quản lý Dịch vụ Khách hàng



Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Jeffrey Liu
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 55 đến trang 65 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM

Quỹ Đầu Tư Năng động Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy phép số 05/UBCK-GCN ngày 28 tháng 12 năm 2009 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp. Theo quy định của Giấy phép, Quỹ được phép phát hành 24.043.760 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian 5 năm theo Quyết định số 14/UBCK-GCN ngày 2 tháng 4 năm 2010 của UBCKNN.

Quỹ được niêm yết tại Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 142/QĐ-SGDHCM ngày 9 tháng 7 năm 2010 của UBCKNN.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên. Quỹ do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) quản lý và do Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“FENB”) giám sát.

Hoạt động chính của Quỹ là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng ứng dụng phương pháp định lượng như sử dụng các mô hình thống kê một khối lượng lớn dữ liệu trên hệ thống máy vi tính nhằm mang lại lợi nhuận ròng cho Quỹ song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả kinh doanh theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính ban hành, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động
3. Báo cáo tài sản
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
5. Báo cáo danh mục đầu tư
6. Thuyết minh các báo cáo tài chính

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 (tiếp theo)

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên các báo cáo tài chính theo đơn vị đồng Việt Nam (“VNĐ”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 2 tháng 4 năm 2010 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Niên độ kế toán tiếp theo bắt đầu ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

2.5 Đầu tư chứng khoán

Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận/ chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là ngày mà Quỹ cam kết mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 (tiếp theo)

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập bảng cân đối kế toán theo Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán. Việc đánh giá lại các chứng khoán niêm yết được tính căn cứ vào giá giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“các Sở Giao dịch Chứng Khoán”) vào ngày định giá có liên quan.

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Đầu tư chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.6 Vốn

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

2.7 Giá trị đơn vị quỹ

Giá trị đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

2.8 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

2.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

2.10 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 (tiếp theo)

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Quý có một nghĩa vụ – pháp lý hoặc liên đới – hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.12 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quý không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.13 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán theo phương pháp dự thu dự chi. Các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ hoạt động mua chứng khoán mà đã được hạch toán vào giá mua của các khoản đầu tư đó.

2.14 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo hoạt động trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Quý được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 (tiếp theo)

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

2.16 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.17 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho quỹ đầu tư chứng khoán được trình bày trong thuyết minh tương ứng của các báo cáo tài chính này.

2.18 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 (tiếp theo)

3. THÔNG TIN BỔ SUNG

3.1 Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam vào thời điểm cuối năm tại các ngân hàng sau đây:

| | 2010 VNĐ |
|---|----------------|
| 1. Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Far East National Bank | 3.902.428.673 |
| 2. Tiền gửi có kỳ hạn: | |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam | 8.000.000.000 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam | 10.000.000.000 |
| Ngân hàng Far East National Bank | 2.000.000.000 |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định | 4.000.000.000 |
| | 27.902.428.673 |

3.2 Đầu tư chứng khoán

Tất cả các công ty được đầu tư như trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quý không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được Quý đầu tư vào. Theo đó, Quý không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty này và do đó các khoản đầu tư của Quý được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 2.5, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết đầu tư chứng khoán được trình bày như sau:

| | Giá mua VNĐ | Lãi/(lỗ) do đánh giá lại VNĐ | Giá thị trường tại ngày 31.12.2010 VNĐ |
|-----------------------------|-----------------|------------------------------------|---|
| Cổ phiếu niêm yết | 201.921.265.856 | (14.300.408.356) | 187.620.857.500 |
| Trái phiếu chuyển đổi | 503.000.000 | - | 503.000.000 |
| Quyền mua cổ phiếu niêm yết | - | 262.944.200 | 262.944.2000 |
| | 202.424.265.856 | (14.037.464.156) | 188.386.801.700 |

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 (tiếp theo)

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.3 Phải thu hoạt động đầu tư

Các khoản phải thu hoạt động đầu tư thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các khoản đầu tư được thanh toán sau 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

3.4 Phải thu khác

| | 2010 VNĐ |
|---------------------------------|---------------|
| Phải thu lãi trái phiếu | 16.757.479 |
| Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng | 94.527.778 |
| Phải thu cổ tức | 919.671.000 |
| Phải thu khác (*) | 525.000.000 |
| | 1.555.956.257 |

(*) Phải thu khác thể hiện khoản đặt cọc 10% đầu giá mua 500.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2.

3.5 Phải trả hoạt động đầu tư

| | 2010 VNĐ |
|------------------------------|---------------|
| Phải trả mua chứng khoán (*) | 3.801.340.000 |
| Phí môi giới phải trả | 166.982.617 |
| | 3.968.322.617 |

(*) Các khoản phải trả mua chứng khoán thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các khoản đầu tư được thanh toán sau 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 (tiếp theo)

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.6 Phải trả Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát

| | 2010 VNĐ |
|--------------------------|-------------|
| Phí quản lý Quỹ | 369.673.605 |
| Phí lưu ký, giám sát Quỹ | 7.393.472 |
| | 377.067.077 |

3.7 Phải trả khác

Số dư này thể hiện số phí kiểm toán và các khoản phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

3.8 Vốn góp của nhà đầu tư

Các giao dịch về vốn:

| | 2010 VNĐ |
|-------------------|-----------------|
| Vốn góp đầu kỳ | - |
| Vốn tăng trong kỳ | 240.437.600.000 |
| Vốn giảm trong kỳ | - |
| Vốn góp cuối kỳ | 240.437.600.000 |

Quỹ được phép phát hành 24.043.760 đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng/đơn vị. Tất cả đơn vị quỹ đều có cùng các quyền, bao gồm các quyền về quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được hoàn vốn, và các quyền khác ngang nhau. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp vốn đủ tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 (tiếp theo)

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.9 Kết quả hoạt động chưa phân phối

| | Giai đoạn từ ngày 2.4.2010 đến ngày 31.12.2010 VNĐ |
|---------------|---|
| Số dư đầu kỳ | - |
| Lỗ trong kỳ | (19.010.504.231) |
| Số dư cuối kỳ | (19.010.504.231) |

3.10 Phí và chi phí khác

| | Giai đoạn từ ngày 2.4.2010 đến ngày 31.12.2010 VNĐ |
|--|---|
| Phí đăng ký thành lập Quỹ | 35.000.000 |
| Công tác phí của Ban Đại diện Quỹ | 244.706.252 |
| Phí môi giới bán chứng khoán | 396.554.208 |
| Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 3.11(iii)) | 156.541.667 |
| Chi phí khác | 114.965.764 |
| | 947.767.891 |

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 (tiếp theo)

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.11 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây đã được thực hiện với các bên liên quan.

i) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, công ty Quản lý của Quỹ

| Giai đoạn từ ngày 2.4.2010 đến ngày 31.12.2010 VNĐ | |
|---|---------------|
| Phí quản lý Quỹ | 3.352.066.711 |

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được hưởng phí quản lý Quỹ hàng năm và phí thường hoạt động. Phí quản lý Quỹ được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của hai phần trăm (2%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng. Mức thường hoạt động được tính vào cuối năm và bằng 20% phần vượt trội của tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm so với tỷ lệ tăng trưởng của thị trường được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư bình quân trong năm. Mức thường hoạt động sẽ được điều chỉnh giảm trừ và sẽ không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư của những năm trước năm báo cáo bị lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp. Trong năm không phát sinh phí thường hoạt động.

ii) Ngân hàng Far East National Bank – CN TP. Hồ Chí Minh (“FENB”), ngân hàng giám sát

| Giai đoạn từ ngày 2.4.2010 đến ngày 31.12.2010 VNĐ | |
|---|------------|
| Phí lưu ký, giám sát Quỹ | 67.041.335 |

Quỹ đã chỉ định FENB làm ngân hàng giám sát. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng giám sát một khoản phí giám sát quỹ và quản lý tài sản hàng tháng bằng một phần mười hai của không phải không bốn phần trăm (0,04%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng. Theo công văn số 12354/BTCCST ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành về luật thuế Giá trị gia tăng (GTGT), kể từ tháng 9 năm 2010, phí giám sát thuộc đối tượng chịu thuế GTGT là 10%.

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 (tiếp theo)

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.11 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

iii) Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ

| | Giai đoạn từ ngày 2.4.2010 đến ngày 31.12.2010 VNĐ |
|------------------------------|---|
| Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ | 156.541.667 |

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo kết quả hoạt động.

4. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

I. Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư

| | 2010 % |
|--|-----------|
| 1. Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng tài sản | 83,26 |
| 2. Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng tài sản | 82,93 |
| 3. Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết/Tổng tài sản | 82,93 |
| 4. Tỷ lệ các loại cổ phiếu không niêm yết/Tổng tài sản | 0,00 |
| 5. Tỷ lệ các loại trái phiếu/Tổng tài sản | 0,22 |
| 6. Tỷ lệ các loại chứng khoán khác/Tổng tài sản | 0,12 |
| 7. Tỷ lệ tiền mặt/Tổng tài sản | 12,33 |
| 8. Tỷ lệ bất động sản/Tổng tài sản | 0,00 |
| 9. Tỷ lệ thu nhập bình quân/Tổng tài sản | -6,20 |
| 10. Tỷ lệ chi phí bình quân/Tổng tài sản | 2,20 |
| II. Các chỉ số thị trường | |

| | 2010 |
|--|------------|
| 1. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (ccq) | 24.043.760 |
| 2. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhân viên công ty Quản lý Quỹ cuối kỳ | 0,12 |
| 3. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ | 20,82 |
| 4. Giá trị đơn vị quỹ (VNĐ) | 9.209 |

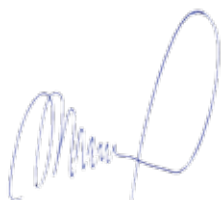
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 (tiếp theo)

5. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Từ ngày 10 tháng 2 năm 2011, giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tăng 12.789.167.274 đồng lên 234.216.263.043 đồng so với giá trị ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

6. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 4 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt để phát hành vào ngày 15 tháng 2 năm 2011.



Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Võ Thị Kim Phượng
Phó Giám đốc Quản lý Dịch vụ Khách hàng



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính



Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Jeffrey Liu
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Trang này được bỏ trống.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Vietfund Management (VFM). Tất cả những số liệu liên quan đến Báo cáo Tài chính của Quý được công ty VFM công bố trong báo cáo này đã được kiểm toán theo luật định. Đối với những nội dung khác trong báo cáo được công ty VFM phát hành dựa trên những nguồn thông tin đáng tin cậy và/ hoặc đã được công bố ra công chúng. Những quan điểm, dự báo và các ước tính trong báo cáo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không hàm ý đảm bảo những dự đoán, khả năng sinh lời và mức độ rủi ro có thể xảy ra, mà chỉ mang tính chất tham khảo. Chúng tôi không đảm bảo và không chịu trách nhiệm về mọi thua lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp xảy ra cho mọi cá nhân hoặc nhóm người nào sử dụng những thông tin nêu trên trong tài liệu này vào mục đích đầu tư.



VIETFUND
MANAGEMENT

Trụ sở chính:

Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza,
17 Lê Duẩn, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: +84 8 3825 1488 | Fax: +84 8 3825 1489

Website: www.vinafund.com

Chi nhánh Hà Nội:

Phòng 1208, Tầng 12, Tòa nhà Pacific Place,
83B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

ĐT: +84 4 3942 8168 | Fax: +84 4 3942 8169